



Nguyễn Văn Trung

VỀ MỘT KINH NGHIỆM SỐNG

I. VIỆT NAM CỘNG HOÀ

Đây là chứng từ của một người đã sống thời VNCH (1955-1975) và gần 20 năm trong chế độ kế tiếp. Sự kiện sống liên tục này đưa nhân chứng đến chỗ buộc phải nhìn lại chế độ VNCH. Ba bài đã viết trong chiều hướng nhìn lại ở SG, chỉ phổ biến hạn chế.

1. Nhìn lại những chặng đường đã qua (1988)
2. Đổi mới phải chăng là trở lại cái cũ đã bị phủ nhận? (1991). Bài này sau được đăng trong tạp chí “Văn học” tại Hoa kỳ số 174 năm 2000 với tựa đề “Tưởng niệm VNCH”.
3. Nhìn lại nền tự trị đại học ở miền nam VN trước 75 (1992).

Ba bài sau đây được viết ở hải ngoại.

4. Hướng về miền nam VN (2003).
5. “Vì đâu nên nổi cái nghiệp tử hình của ông Ngô Đình Cẩn, cố vấn chỉ đạo miền trung” 2003.
6. “Đàn kết một lòng” 2003. Nói về các cuộc xúông đường chống tham nhưng đòi tự do dân chủ của phong trào nhân dân chống tham nhưng kết hợp với lực lượng báo chí, luật sư, tòa án vào cuối năm 1974

Qua những bài viết kể trên người viết bày tỏ thái độ tự kiểm những nhận định phê phán lệch lạc bất công đối với chế độ VNCH, đặt biệt thời đệ nhất cộng hòa và đi đến kết luận:

Không có VNCH, không có Nguyễn Văn Trung hay sự nghiệp văn hóa của một người trí thức cầm bút vì người viết không còn được tự do phê phán nhất là về thời cuộc, sau 1975 cho đến bây giờ 2003.

Đó là chuyện riêng của người viết, chuyện chung là nhìn lại chế độ VNCH của người đã sống trong chế độ đó cung bị thúc đẩy phải làm do chính cái nhìn của những người từ miền bắc vào miền nam 1975.

Cái nhìn này được biểu lộ qua những cải tổ các thể chế, cung cách làm ăn, ứng xử thậm chí qua cả việc thăng thấn thú nhận những thất bại, chẳng hạn những thất bại về chủ trương chiến tranh khuynh đảo vào những năm đầu đệ nhất cộng hòa. Không những lãnh đạo các cấp từ liên khu đến tỉnh, thành bị bắt gọn mà cả các cơ sở đường dây tổ chức đều bị phá vỡ chỉ vì khinh địch đánh giá thấp về khả năng an ninh và tình báo của địch.

Nhìn lại những vụ xuống đường ở SG cuối năm 1974, không thể không liên tưởng đến những vụ lên tiếng chống tham nhũng, đòi tự do dân chủ ở miền bắc hiện nay và tự hỏi không biết đến bao giờ Hà nội mới có được quang cảnh SG cuối 1974?

Trong 6 bài viết kể trên chỉ có 3 bài (4,5,6) đã đánh trên computer có thể gửi qua email, còn 3 bài đầu thì chưa. Các bài đều kèm theo tài liệu dẫn chứng. Tôi chưa định phổ biến rộng rãi trên internet hay đăng báo mà chỉ gửi cho một số người quen biết, để xin góp ý kiến. Bạn nào muốn có đầy đủ 6 bài kể trên, đề nghị chia sẻ về chi phí cho những người đã giúp tôi đánh bài, cắt dán sao chụp tài liệu và về cước phí (50\$).

Nguyễn Văn Trung
1956 Emile legrand H1N 3H5
Montréal, Quebec Canada
Email: vantrungnguyen@hotmail.com

Hướng về miền Nam Việt Nam

Xin mời: Cầm Đọc, Tolle Lege (1)

Sau 1975 tôi không còn lên tiếng công khai, thẳng thắn chân thành theo xác tín của tôi và những hiểu biết của tôi thời đó về những vấn đề thời cuộc. Nhưng không phải im lặng hoàn toàn, chỉ không công khai mà trong nội bộ, thường do yêu cầu nói theo quan điểm của mình, vì thế những phát biểu vẫn thẳng thắn và chân tình. Khi có chính sách đổi mới, tôi được nhà xuất bản Sự Thật đề nghị lên tiếng công khai về một vấn đề tôi đã biên soạn: Đặt vấn đề Công giáo cho dân tộc, khác hẳn với trước 75 vấn đề dân tộc cho người công giáo. Có một tọa đàm 15 người do phía nhà xuất bản và tôi đề nghị. Trong cuộc tọa đàm đó, nhiều người về phía nhà

xuất bản đã phát biểu thẳng thắn như Thiết Vu nay đã qua đời: "Trong thời kỳ đổi mới hiện nay, hàng loạt vấn đề phải đem ra đánh giá lại, suy nghĩ lại bằng chính cái đầu của mình. Ngay đến những vấn đề rất cơ bản như: "Đảng ta bao giờ cũng đúng", "bảo vệ sự thống nhất của đảng như bảo vệ con người mắt mình"... cũng cần phải suy nghĩ và đánh giá lại. Mục đích của sự đánh giá lại không có gì khác là phải tìm ra chân lý lẽ phải dẫn tới hành động cứu vãn được đất nước đang rơi xuống một cái vực không đáy, đang ở một thời kỳ tiền khủng hoảng; như Rosa Luxembourg đã viết cho Lenin: Tự do trước hết là tự do cho những người suy nghĩ khác với mình. Với ý nghĩ ấy tôi đã đọc tập "Vấn đề Công giáo đặt cho dân tộc" của Nguyễn Văn Trung. Anh NVT đặt những vấn đề gì trong công trình này:

1. Công giáo VN có thực liên hệ mật thiết với thực dân để quốc không?
2. Văn hóa Công giáo có thực lai căng mất gốc không?

Trên cơ sở giải đáp 2 vấn đề đó Anh NVT đặt lại cho người đọc một cách nhìn khác, một cách đánh giá khác vấn đề Kitô giáo ở VN. Cách nhìn ấy không chỉ nhằm thay đổi cách nhìn của cách mạng, mà của cả một dân tộc suốt cả mấy thế kỷ nay. Vấn đề lớn lắm chứ. Với 233 trang sách để giải đáp vấn đề rất lớn ấy tôi thấy anh NVT đã làm một việc táo bạo. Trước hết phải nói ngay đây là một công trình nghiên cứu nghiêm túc. Công phu ở chỗ sưu tầm trích dẫn tư liệu. Nghiêm túc ở cách lập luận và dẫn dắt đến kết luận: Nhìn nhận và đánh giá lại Kitô giáo và Kitô hữu ở VN." (in lại trong phần phụ lục cuốn *Vấn đề Công giáo đặt cho dân tộc*)

Về việc xuất bản cuốn *Vấn đề Công giáo đặt cho dân tộc*, linh mục Nguyễn Hưng, linh ý tổng giám mục Sài Gòn, vận động dễ dàng được đủ số tiền in 20.000 cuốn đợt đầu, nhưng những biển cổ Ba Lan đã đưa đến hậu quả bản thảo bị tịch thu ở nhà in và tôi được công an yêu cầu thu hồi những bản thảo đã phân phát.

Tôi lại trở về với phát biểu không công khai. Một nhóm đảng viên trẻ sinh viên cu đang có nhiều dlay dứt về đảng họ theo, đề nghị tôi nhận xét về đảng cộng sản VN nghĩa là nói về đảng với đảng. Tôi có viết một bài nhằm đáp ứng yêu cầu của họ. Trong công trình biên soạn này có phần gọi là *Quay về miền Nam* gồm 3 chương sau:

1. Nhìn lại những lựa chọn đã qua. Viết theo yêu cầu của tạp chí Etudes Vietnamiennes Hanoi. Xin trích đoạn kết: "Tôi nghĩ rằng tình hình thực tế như bây giờ, một phần dân chúng sống bằng ăn xin và ăn xin cả những người đã buộc phải bỏ nước ra đi, tất cả chúng ta đều đã bị lột trần, không ai còn nhân danh gì để phê phán người khác với bàn tay sạch... như vậy mọi phê phán theo tinh thần đổ tại người khác chỉ gây thêm phân hóa chia rẽ và do đó đưa đất nước này đến chỗ suy sụp hơn nữa mà thôi. Trái lại nên chịu ngồi lại với nhau, không phải để phê phán hoặc chỉ phản ánh cái tiêu cực mà để cùng nhau tìm hiểu tại sao đất nước lại đi tới tình hình hiện nay, tìm hiểu những điều kiện nguyên nhân khách quan nào đã quy định chi phối những lựa chọn căn bản có tính chiến lược lâu dài mà bây giờ mới thấy là sai lầm. Vấn đề không phải chỉ là ai thắng ai; mà tại sao miền Bắc đã thắng, miền Nam đã thua, và rút cục tất cả đều thua và thua chính mình. Hoặc nói cách khác, miền Bắc đã giải phóng miền Nam; nhưng xét về mặt nhận thức sau 13 năm có thể nói việc giải phóng miền Nam về chính trị đã giải phóng cả miền Bắc và miền Nam về nhận thức. Con đường đưa đất nước này đứng dậy đi lên, khỏi sa xuống vực thẳm, trút bỏ niềm tủi nhục mà mọi người đều cảm nhận khi xem tivi về Seoul 88 là trước hết nhận ra được những nguyên nhân khách quan nào đã đưa dân tộc đến thảm cảnh hiện nay, việc tìm hiểu giải thích một cách khoa học này không đưa đến phê phán kết án ai mà chỉ đưa đến một cảm nhận với niềm thông cảm và liên đới trách nhiệm."

2. Nhìn lại nền tự trị đại học ở miền Nam trước 1975, soạn thảo cho một hội thảo về giáo dục do trường đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh tổ chức. Xin trích đoạn kết: "Vì thế nhìn lại nền tự trị đại học ở miền Nam trước 75 là đi tìm một hướng thoát khỏi tình trạng quan liêu bao cấp như trả lại cho giáo sư đại học quyền tự do giảng dạy, quyết định tuyển chọn nhân viên giảng huấn, trả lại cho giới bác sĩ, dược sĩ, luật sư nhà văn nhà báo không những quyền ra báo, mở văn phòng mà cả quyền lập các hội đoàn chuyên nghiệp để tự quản theo một nguyên

tắc của xã hội dân sự: chỉ đồng nghiệp mới đánh giá được đồng nghiệp; và do đó mới có thẩm quyền chế tài từ cảnh cáo đến cấm hành nghề. Riêng ngành đại học, tự trị đại học không chỉ đảm bảo những điều kiện để phát huy đại học phát triển quốc gia về mặt kiến thức chuyên môn mà còn nhằm đảm nhận thực hiện việc đào tạo con người trí thức có thái độ trí thức như kẻ sĩ ngày xưa trong cách ứng xử với đời, đặc biệt trước những quyền lực chính trị kinh tế xã hội tôn giáo... tiêu biểu cho truyền thống đạo đức tinh thần dân tộc.

Tóm lại giáo dục đại học không chỉ có mục đích đào tạo viên chức nhà nước chỉ biết suy nghĩ làm theo chỉ thị từ trên. Chính trị là cái nhất thời, nay thế này, mai thế kia; cái vẫn còn trải qua những đổi thay chính trị là những giá trị đạo lý tinh thần của nhân loại và của quá khứ dân tộc. Một dân tộc không thể tồn tại nếu không có những con người là hiện thân sống động cho những giá trị tinh thần kể trên. Sứ mệnh cao cả của ngành giáo dục đại học là nhằm gây dựng nuôi dưỡng phát huy, bảo vệ nhân cách phẩm chất của người thanh niên mà sự phủ nhận là nguyên nhân chính sâu xa của sự trì trệ sa đọa về mọi phương diện."

3. Đổi mới phải chăng là trở về với những cái cũ đã bị phủ nhận? Xin trích câu chót: *"Bây giờ thấy nêu lên khẩu hiệu đòi hỏi đổi mới. Nhưng cho đến nay chỉ nói nhiều về đổi mới trong kinh tế, chính trị mà ít nói hay chưa nói đến nền tảng của những sinh hoạt kinh tế chính trị là những tiêu chuẩn giá trị đạo đức. Về lãnh vực này không có gì mới vì đạo đức thời nào cũng cần có. Cho nên đổi mới ở đây không phải là sáng tạo ra một đạo lý nào khác mà chỉ là quay về với những giá trị đạo lý nhân loại trở thành truyền thống dân tộc đã bị phủ nhận ở miền Bắc sau 1945 và ở miền Nam sau 1975, một phủ nhận mà một đảng viên lão thành đã buồn phiền nói lên trong bài "Tâm sự với người Hà Nội" của Quang Lộc (Nhân Dân số 10328 ngày 03/10/1982).*

Sau 75 tôi cũng tìm gặp những lãnh tụ các phong trào tranh đấu -đặc biệt trong giới Phật giáo, Công giáo đề nghị họ tự kiểm thảo tại sao để mất VNCH trong tinh thần nhìn nhận những khuyết điểm ảo tưởng về phần mình. Xin giới thiệu ở đây 2 trường hợp về những tranh đấu đưa đến việc xóa bỏ Đệ Nhất Cộng Hoà và tạo điều kiện thuận lợi dẹp bỏ Đệ Nhị Cộng Hoà. Những suy nghĩ phân tích kể trên đều nhằm đóng góp cho những ý định đổi mới ở trong nước.

- I. Silone, một nhà văn trong những người sáng lập đảng cộng sản Ý trước khi ra khỏi đảng nói với Togliatti, tổng bí thư đảng cộng sản Ý. *"Cuộc chiến đấu sau cùng là cuộc chiến đấu giữa những người đảng viên và cựu đảng viên".* Tôi thấy đúng hơn chính là giữa những đảng viên vẫn ở trong đảng. Gần đây tôi có viết bài giới thiệu nhật ký của một nhà thần học, Yves Congar, nổi tiếng vào thời kỳ những năm 1950-1970, ông bị cấm dạy học, xuất bản sách, đi lưu đày. Trong nhật ký ông coi những người cầm quyền ở Roma đối xử với ông chẳng khác gì Gestapo của Đức quốc xã nhưng ông vẫn thẳm lặng chịu đựng, không bỏ đạo ra khỏi giáo hội cho đến một ngày thấy tên mình trên báo được mời vào ủy ban soạn thảo công đồng Vatican II. Tôi có gởi bài giới thiệu nhật ký của Yves Congar đăng trong nhiều báo ở hải ngoại và *Công giáo dân tộc* ở VN, cho những đảng viên mà tôi đã góp ý với họ nhằm đổi mới ở trong nước. Trong thư riêng cho họ, tôi viết: *"Chị T, đảng cộng sản cung để ra một lý tưởng có những lý thuyết thể chế, những con người cụ thể với những tâm tình này nọ, vào thời kỳ khủng hoảng suy thoái, cung thấy những thái độ tương tự như người Công giáo: Có người bỏ đạo ra khỏi giáo hội cởi áo dòng, hoặc một cách thẳm lặng, hoặc lên tiếng tố cáo giáo hội, họ được những người thù ghét giáo hội hoan nghênh vì biện minh cho thái độ thù ghét của họ; hoặc vẫn ở lại trong giáo hội dòng tu, chịu đựng âm thầm những đau khổ bất công vì giáo hội, do giáo hội tạo ra cho mình, và đau khổ với giáo hội nghĩa là với những người khác trong giáo hội cũng đau khổ vì giáo hội như mình. Kinh nghiệm Công giáo cho thấy chỉ những người như Congar mới có thái độ đáng phục và thực sự xây dựng. Tôi biết chị và nhiều đảng viên khác vẫn giữ được thái độ chịu đựng trong thẳm lặng, những đau khổ vì đảng, do đảng gây ra cho mình, cho đất nước dân tộc, nhưng vẫn kiên trì ở lại, mong thực hiện những thay đổi từ nội bộ, trong nội bộ, một giải pháp*

hiệu nghiệm mà ngay cả những người chống Cộng quyết liệt cũng công khai nhìn nhận không có con đường nào khác.

II.

Tôi gửi chị và những người như chị chứng từ này của nhà thần học Congar để suy nghĩ."

Trong thời kỳ gọi là mở cửa, bạn bè ở nước ngoài về đọc những biên khảo của tôi đã nhận xét: Nhiều lỗi nhìn, phân tách của anh lỗi thời rồi. Đúng thế, tôi bị cắt đứt với các trào lưu tư tưởng văn học phương Tây gần 20 năm. Nếu muốn những suy nghĩ của tôi thực sự hữu ích, tôi thấy phải ra nước ngoài học hỏi thêm làm những recyclages về thần học, triết học khoa học xã hội, văn học. Một lý do khác: tôi đang theo đuổi một công trình nghiên cứu về miền Nam hiểu như một vùng đất mới trong quan hệ với vùng đất cũ qua các cuộc di dân trong lịch sử, nay có cuộc di dân khác, từ vùng đất mới trong nước ra vùng đất mới ngoài nước, Bắc Mỹ mà tôi chưa biết gì hết, nên tôi cũng rất muốn tìm hiểu đặc biệt cộng đồng người Việt ở Bắc Mỹ. Nhưng nếu đi không về thì cũng bị cắt đứt với thực tế trong nước. Vậy phải đi đi về về. Tôi đi Canada cuối năm 1993 và năm nào cũng đi Hoa Kỳ; sau một thời gian tìm hiểu, tôi bắt đầu thấy được khả năng tiềm lực của cộng đồng người Việt ở Bắc Mỹ về kinh tế chính trị. Nhưng về văn học, tôi không khỏi ngạc nhiên trước hiện tượng ở Cali một số các nhà văn "mặc áo thụng vái nhau", phong cho nhau những chức vụ không hề có thời Việt Nam Cộng Hoà và nhất là phong cách chụp mu tổ Cộng là điều những người cầm bút đứng đắn thời Việt Nam Cộng Hoà thường né tránh để khỏi bị dư luận chê cười.

Vào năm 2000 đến tuổi 70, tôi viết 2 tập hồi ký:

- 1955-1975
- 1975-1995.

Tập I, tựa đề "*Nhìn lại những chặng đường đã qua: Người cầm bút, kẻ bị cáo (1955-1975)*", trong đó tôi trình bày những gì tôi viết đã gây ra những phản ứng đả kích, kết án loại trừ, từ phía những tổ chức giáo hội, truyền thông giáo dục xã hội, mặc dầu vậy, tôi vẫn viết được nhiều trong thời kỳ này (tức là thời kỳ 55-75). Tôi không thể không tự hỏi tại sao, và tôi thấy ngay giải đáp: Nhờ phong cách trí thức của những viên chức liên quan đến Bộ Thông tin-văn hóa-giáo dục. Vì có chính sách kiểm duyệt, tịch thu, vì lý do an ninh nên sách in ra phải kiểm duyệt, có giấy phép mới xuất bản được. Báo thì không phải kiểm duyệt, nhưng có thể bị tịch thu đưa ra toà. Trong khuôn khổ chính sách hạn chế tự do chính trị như vậy, nếu không xuất bản công khai, hợp pháp, vẫn có thể in ronéo, phổ biến bày bán ngay cả trên các sạp báo và có thể bị tịch thu... Người cầm bút viết những điều cấm kỵ, phê phán chính sách này, chính sách kia của nhà nước, thậm chí hợp nhau viết kháng thư phản đối, đăng trên báo mà không lo ngại về an ninh chính trị của bản thân gia đình bạn bè. Nói cách khác, viết phê phán phản kháng mà không sợ nhà nước.

Thời Việt Nam Cộng Hoà (1955-1975), những gì tôi viết thành sách đưa kiểm duyệt, cuốn được phép xuất bản, cuốn không, hoặc những bài báo sau gom lại thành sách đưa kiểm duyệt thường được phép, nhưng bỏ một số bài và có thể nói rõ những bài đó bị kiểm duyệt. Đây là tình trạng chung, do đó người thời sau muốn tìm hiểu những người cầm bút thời kỳ 1955-1975 cần lưu ý tìm đọc không phải chỉ sách được xuất bản công khai hợp pháp mà cả những sách không xuất bản được, nhưng vẫn có và còn đó trong các tạp chí và chính những bài đăng trong các tạp chí không được xuất bản thành sách, mới phản ánh trung thực tâm tư người viết về thời kỳ họ sống. Việt Nam Cộng Hoà có hai thời kỳ -gọi là Đệ Nhất, Đệ Nhị Cộng Hoà- do những yếu tố chính trị quy định và người viết cũng phân biệt thành hai giới. Giới cầm bút trước 1955 tiếp tục sau 1955 qua cả hai thời kỳ Đệ Nhất, Đệ Nhị Cộng Hoà và có người tiếp tục viết ở hải ngoại mà không thay đổi bao nhiêu lỗi nhìn văn học, lập trường chính trị. Và giới cầm bút sau 1963, họ là những người hồi 1954 trên dưới 10 tuổi theo gia đình vào Nam hoặc sinh trưởng lớn lên ở miền Nam hầu hết có tú tài và tốt nghiệp đại học. Số lượng giới trẻ cầm bút này càng ngày càng đông đảo theo đà thành lập các đại học ở các tỉnh Huế, Đà Lạt, Đà

Năng, Nha Trang, Cần Thơ, Long Xuyên, Tây Ninh và các đại học tư ở Sài Gòn như Vạn Hạnh, Minh Đức v.v... Họ trưởng thành về tuổi đời và nhận thức sau 1963, trong hoàn cảnh nhiễu loạn chính trị, xã hội chiến tranh mở rộng với sự can thiệp ồ ạt của quân đội nước ngoài. Thời cuộc và chiến tranh là thiết thân đối với họ vì bị động viên, đi quân dịch. Họ có tài nên nhập ngũ vào các trường đào tạo sĩ quan như Thủ Đức, Đà Lạt. Trừ Đỗ Long Vân tốt nghiệp Đại học ở Pháp, dạy Đại học Huế đi trình diện ở trung tâm nhập ngũ, không xuất trình bằng cấp, làm binh nhì. Do đó, họ có một lối nhìn thời cuộc đất nước và nghệ thuật văn học khác hẳn lối nhìn của đàn anh họ viết từ trước 1963. Tự họ ra những tạp chí trong khuôn khổ đại học như tờ *Tình Thương* của trường Y khoa Sài Gòn mà Ngô Thế Vinh là một trong những cây bút đã được biết đến, hoặc tờ *Trâu Bò* của một nhóm sinh viên chính trị kinh doanh Đà Lạt. Họ tụ tập hát Tâm ca của Phạm Duy hay nhạc Trịnh Công Sơn, cùng nhau suy nghĩ về thân phận tuổi trẻ trong chiến tranh, tương tự thân phận trâu bò. Nhưng vì họ không phải trâu bò nên mới cảm nhận và viết ra những suy nghĩ của họ.. Hoặc vượt ra khỏi khuôn khổ trường học lập những nhóm như *Việt, Cùng khổ, Ý thức, tạp chí Ngôn ngữ*, tiếng nói quyết liệt và thâm trầm nhất của lớp trẻ Việt Nam. *Khai Phá*, đặc san văn nghệ của một nhóm cây bút trẻ miền Nam. *Chim Việt*, giai phẩm văn nghệ của bút đoàn Quảng Trị. *Động Đất*, tập san văn nghệ của một nhóm văn nghệ trẻ Tây Ninh. *Văn Mới* nguyệt san, chủ trương "một nền văn hoá gắn liền với hoàn cảnh một quốc gia nghèo đói, nội chiến, đang bị các thế lực đế quốc dùng làm thí điểm tranh chấp, tạo sinh lực đánh bật những ảnh hưởng của nền văn chương ngoại lai viễn mơ của các thế lực đế quốc trá hình". Thường những tạp chí này chỉ sống được vài số rồi buộc phải ngưng vì hết khả năng đóng góp tài chánh, hoặc bị tịch thu dài dài, hoặc họ tham gia những tạp chí của đàn anh, hầu hết trong giới giáo sư Đại học đã viết trước 1963, nhưng sau 1963 đã chia sẻ số phận của những người trẻ là sinh viên của họ, bắt đầu là *Hành Trình, Đất Nước, Trinh Bầy, Đối Diện*...

Những tạp chí kể trên đã giữ vai trò chuyển tiếp - tạm gọi là thế hệ cầm bút sau 63- nhưng trong sinh hoạt văn chương hải ngoại, không mấy ai nhắc đến họ. Chúng tôi sẽ sơ lược giới thiệu một số những sáng tác này (trong một dịp khác), sáng tác ít được để ý, nhưng bây giờ đọc lại thấy sống động và vẫn gây xúc động, vì những cảm xúc xuất phát từ thực tế, nhưng được trình bày với tư cách người nghệ sĩ trí thức, phân biệt với con người cầm súng vì nghĩa vụ, do đó thơ văn của họ không phải hiếu chiến, chủ chiến hay chủ hoà, phản chiến nhưng bày tỏ tính cách oan trái, bi thảm của thực tại, chan chứa tình người, tính nhân bản. Thơ văn giới trẻ viết sau 1963 thường theo một xu hướng chung, phản ánh vụ trụ Kafka, như tên đặt cho một số đặc biệt về thơ văn của *Hành Trình*, hoặc phản ánh thân phận những nhân vật Việt Nam tương tự những nhân vật trong tiểu thuyết *Giờ thứ hai mươi lăm* của Gheorghiu.

Ngoài thơ văn của giới trẻ, còn có thơ văn của Nguyên Sa, một người đã cầm bút trước 1963, nhưng sau 1963, Nguyên Sa đã sát cánh với giới trẻ, trở thành cây bút chủ lực của *Đất Nước, Trinh Bầy*. Ông chia sẻ lối nhìn thời cuộc, quan điểm văn học nghệ thuật của họ, phê phán đàn anh trong đó có Nguyên Sa trước 1963. Tại sao? Vì Nguyên Sa cũng phải nhập ngũ như họ, hằng ngày đối diện với cái sống cái chết.. Tuy sau khi mãn khóa, Nguyên Sa không phải ra trận, nhưng chỉ nguyên thân phận làm lính cung đủ buộc nhà thơ thay đổi lối nhìn theo giới trẻ. Rất tiếc là khi Nguyên Sa qua đời, hầu hết các bài viết về Nguyên Sa đều không đề cập đến khúc quặt quan trọng, rất có ý nghĩa giá trị trong sự nghiệp thơ văn của Nguyên Sa viết vào thời kỳ làm lính. Nếu bây giờ đọc lại thơ văn thời kỳ đó, sẽ thấy thơ văn Nguyên Sa không phải chỉ là: *Áo lụa Hà Đông, Paris có gì lạ không em ...*, mà còn là: *Giã từ khóa đàn anh, Giã từ nền văn chương trú ẩn*... Nhắc đến Nguyên Sa, tôi lại nhớ đến báo *Đời* ở California, số ngày 14-9-1985 ghi lại buổi họp mặt văn chương hết sức cảm động và đầy ý nghĩa có tên là "*30 năm văn chương Võ Phiến*". Buổi họp mặt nhằm xưng tụng Võ Phiến được coi là nhà văn chống Cộng số một của văn chương Việt Nam. Trong buổi họp mặt đó, Nguyên Sa đã ghi nhận văn chương miền Nam gồm 4 khối lớn: Nhóm Sáng Tạo của Mai Thảo, nhóm Đất Nước của Nguyễn Văn Trung, nhóm Bách Khoa của Võ Phiến và nhóm thứ tư gồm những nhà văn nhà thơ ở ngoài 3 nhóm kể trên. Phát biểu của Nguyên Sa trong khung cảnh một buổi họp mặt nhằm vinh danh một người thực ra có tính cách xã giao chỉ nên nghe qua rồi bỏ, vì không một người cầm bút nào tham gia những sinh hoạt văn học từ 1955 đến 1975 nghi như vậy, và trước hết *chính*

*Nguyễn Sa biết rõ hơn ai hết thời Nguyễn Sa là cây bút chủ lực của Đất Nước, Trinh Bầy, **tôi chỉ đứng tên**, còn chủ động lo bài vở, quy tụ anh em, in ấn phát hành đều do Thế Nguyên và Diễm Châu.*

Nhưng trong *Văn Học miền Nam tổng quan*, trang 193, Võ Phiến đã nhắc lại nhận xét của Nguyễn Sa, không những thừa nhận mà còn minh họa cho rõ hơn vai trò của mình trong *Bách Khoa*. Tôi đã liên lạc với Lê Ngô Châu và Huỳnh Văn Lang vừa ra Hồi Ký trong đó nói rõ về Bách Khoa. Trong thư viết cho tôi, Huỳnh Văn Lang khẳng định những ai là chủ động trong việc thành lập, những hội đoàn nào nâng đỡ Bách khoa về mặt tài chánh, những ai lo quy tụ về bài vở. Còn Võ Phiến không là chủ bút, viết trong Bách khoa cũng như cộng tác viên khác. Một mặt khác, để tìm hiểu tâm lý độc giả của hai thời kỳ trước và sau 63, khách quan hơn cả có lẽ ta nên dựa vào những tư liệu văn học của chính thời kỳ này: Về thời kỳ trước 1963, Hành Trình có làm một trưng cầu ý kiến bạn đọc về những tác phẩm Văn học được nhiều người ưa thích nhất trong khoảng 10 năm (1954-1964) về 3 bộ môn tiểu thuyết, thơ, biên khảo. Số phiếu gửi đi mới chỉ nhận được 40 ý kiến. Kết quả dựa vào cuộc trưng cầu đó tuy khiêm tốn, nhưng cũng cho thấy một ghi nhận nào đó về người đọc thời kỳ này. Bản đúc kết cho thấy Mai Thảo chỉ có một tác phẩm được kể tới, trong khi Doãn Quốc Sỹ gần gũi với Sáng Tạo có hai tác phẩm. Tác giả có nhiều tác phẩm được đọc và ưa thích là Nhật Tiến ở trong nhóm Văn Hoá Ngày Nay của Nhất Linh, Tự Lực Văn Đoàn... Về thơ, Nguyễn Sa được nhiều người đọc ưa thích, Thanh Tâm Tuyên ít hơn. Nhưng được ít hay nhiều người đọc ưa thích chưa hẳn là tác phẩm được đánh giá đúng mức về tư tưởng và văn chương. Trong *Văn học miền Nam*, trang 216-217, Võ Phiến tán thành ghi nhận của cô Thủy Tiên trên tạp chí Nhân Văn số 31, tháng 11-1984, xuất bản ở San José, về tờ *Trinh Bầy* và *Đối Diện* là hai tạp chí đã có nhiều bài báo đóng góp rất lớn cho Cộng Sản trong việc thôn tính miền Nam. Võ Phiến bình luận thêm: "*Đóng góp cho Cộng sản là làm giặc rồi còn gì... Những tờ Hành Trình, Đất Nước cũng đóng góp được đáng kể đấy... Nghiêm chỉnh trình trọng và ngậy thơ, họ đóng góp đều đều chăm chỉ cho Cộng sản*".

Nói như vậy, hiển nhiên Võ Phiến tố cáo những người ở trong ban biên tập như Phạm Cao Dương, những cây bút chủ chốt của *Đất Nước, Trinh Bầy* như Nguyễn Sa, Thảo Trường hoặc những người cộng tác viết bài cho những tờ báo đó như Thế Uyên, Nguyễn Mộng Giác, Ngô Thế Vinh, Du Tử Lê, Luân Hoán vv... đã sang Mỹ sau 1975... Trong số này, nhiều người đã ở trại cải tạo lâu năm như Thảo Trường, sĩ quan an ninh quân đội... Khi tố cáo *Hành Trình, Đất Nước*, chính Võ Phiến cũng tự tố cáo, vì Võ Phiến nhận đứng đầu nhóm Bách Khoa. Võ Phiến biết rõ Vu Hạnh với nhiều bút hiệu khác nhau, Lữ Phương là Cộng Sản nằm vùng, viết phê bình đều đều chăm chỉ trong Bách Khoa. Tại sao Võ Phiến không tố cáo họ, không phải chỉ với tư cách người trách nhiệm Bách Khoa, mà còn với tư cách viên chức bộ Thông Tin Chiêu Hồi? Vu Hạnh thời Đệ Nhất Cộng Hoà đã bị an ninh bắt. Tổng hội giáo giới đứng bảo lãnh xin trả tự do cho Vu Hạnh (Nguyễn Sa, *Hồi ký* 1998, trang 223). Thời Đệ Nhị Cộng Hoà, Vu Hạnh lại bị bắt. Thanh Lăng nhân danh Chủ tịch Văn bút -mà Võ Phiến là hội viên- can thiệp với công an xin trả tự do cho Vu Hạnh, và Vu Hạnh lại được tự do.

Hành Trình bị tịch thu, tôi được mời lên bộ Thông Tin gặp Thứ Trưởng Đinh Trình Chính. Ông nói với tôi: "*Hành Trình bị tịch thu vì luật lệ như vậy, để nghị từ nay đừng bầy bán công khai trên sập báo. Khi in ra, xin nhớ gửi riêng cho tôi đọc vì tôi quý nó lắm.*" Thiếu Tướng Lê Nguyên Khang, tư lệnh quân đoàn 3, kiêm tư lệnh Thủy quân lục chiến biên thư cho tôi: "*Tôi hoàn toàn đồng ý với anh, không phải chỉ súng đạn là giải quyết được Cộng Sản trên đất nước này. Mong gặp anh nói chuyện nhiều hơn. Thân.*" (trích thư đề ngày 17-6-1965, được chụp nguyên văn sẽ công bố trong " Hồ sơ về tạp chí Hành Trình").

Vài trường hợp kể trên về một số viên chức nhà nước dân sự và quân sự của VNCH trước 1975 có thái độ hiểu biết, không quy chụp bừa bãi, tôn trọng những suy nghĩ của người trí thức, đã có thể cho chúng tôi viết và nói công khai về thời cuộc. Tự do phát biểu phê phán công khai đó không còn nữa sau 1975, tuy nhiên trong khuôn khổ nội bộ vẫn có thể nói thẳng, nói thật. Ở miền Nam, thể chế Việt Nam Cộng Hoà không còn nữa, nhưng dần dà những mặt tích cực của thể chế và phong cách con người được phục hồi, đề cao: Chẳng hạn bệnh viện Gia Định cu còn

đông đảo nhân viên Sài Gòn cũ, cấp lãnh đạo thành phố thường đến để đề cao và tuyên dương là bệnh viện gương mẫu. Ở hải ngoại, đặc biệt là Bắc Mỹ người ta vẫn nêu danh nghĩa VNCH, chào cờ Quốc Gia. Nhưng những cái hay, cái đẹp của phong cách con người thể chế VNCH đã bị phủ nhận chà đạp, còn những cái xấu xa tiêu cực như tổ cáo chụp mũ được sử dụng tràn lan, đưa đến tình trạng không ai dám nói dám viết thực những điều mình suy nghĩ.

Gần đây, Võ Phiến xuất bản 6 tập *Văn Học Miền Nam*, gạt bỏ bộ môn biên khảo dịch thuật, báo chí, chỉ giới thiệu những người sáng tác Văn Thơ Kịch, và trong số này loại bỏ hầu hết những người sáng tác sau 1963. Đặc biệt Thế Nguyên chủ bút *Đất Nước, Trinh Bầy, Nghiên Cứu Văn học*. Thế Nguyên không còn nữa, tôi muốn nhắc lại một kỷ niệm sâu sắc với Thế Nguyên mà có lẽ Võ Phiến đã quên: là giám đốc nhà xuất bản Trinh Bầy, Thế Nguyên đã đọc lời chào mừng những người làm Văn học Nghệ thuật trong buổi tiếp tân tại Đại lục lữ quán ngày 6-7-1969 nhân dịp nhà xuất bản Trinh Bầy phát hành cuốn sách thứ 50. Một tháng sau, Thế Nguyên vận động 110 người cầm bút ra kháng thư phản đối hành động đàn áp giới văn nghệ sĩ của Bộ Thông tin và Chiêu hồi xuyên qua thái độ của bộ này đối với nhà văn Võ Phiến, làm tại Sài Gòn 5-9-1969, đăng trong *Đất Nước* số 12. Nhiều người cầm bút thuộc giới trẻ đã ký vào kháng thư này, trong đó có những cây bút giá trị nhưng tác phẩm của họ không được Võ Phiến chiếu cố giới thiệu trích dẫn.

Chưa đánh giá về mặt tư tưởng, văn chương, nghệ thuật, chỉ ghi nhận số lượng thơ văn giới trẻ *có đó*, cùng góp mặt với những tên tuổi đã cầm bút từ trước 63, tạo thành bộ mặt của văn học miền Nam. Những người từ miền Bắc vào miền Nam sau 1975 trân trọng tìm đọc văn học miền Nam đưa ra một nhận xét rất đúng: *phong phú và đa dạng*. Có thể ghi nhận một đặc điểm chung của thơ văn giới trẻ viết sau 1963: chân thực. Họ viết thơ văn để khóc, tưởng nhớ bạn bè chết trận, mơ ước hoà bình, chứ không làm văn như trò chơi ngôn ngữ, làm dáng trí thức. Do đó *bỏ quên* thơ văn giới trẻ sau 1963 vì không biết đến hay có biết, nhưng vì một cách đánh giá nào đó, *bỏ qua* là một bất công đối với những người cầm bút trẻ thời đó, và là một thiệt hại cho văn học miền Nam thời VNCH, tạo cho người đọc bây giờ hình ảnh khuôn mặt về một nền văn học nghèo nàn, què cụt.

Tại sao Võ Phiến bỏ qua không nhắc đến giới cầm bút sau 1963? Tại sao Nguyên Sa không nhắc lại ở thời kỳ Nguyên Sa là cây bút chủ lực của *Đất Nước, Trinh Bầy*, trong Hồi ký viết ở Hoa Kỳ? Tôi tìm thấy một giải thích: vì những người chống Cộng ở hải ngoại sợ những người chống Cộng như những người Cộng sản ở trong nước sợ người Cộng sản. Tôi có một chứng từ của một đảng viên nay đã qua đời, để lại cho tôi tập hồi ký của ông, kể lại nhóm của ông vào Nam hoạt động tình báo khuynh đảo bị bắt tù đầy. Sau 1975 ngồi lại với nhau để kiểm điểm công tác, và không thể làm việc đó mà không đụng chạm đến phê phán lãnh đạo, và vì thế có nhiều người *rét* không dám đi họp, nên ông viết: "*Tôi nêu ra đây để muốn nói lên cái oai của ta như thế đấy: tất cả anh em họp đều có quá trình chiến đấu cao, thành tích lớn, gần hết có huy hiệu 40 tuổi đảng, tất cả đều trải qua hai cuộc kháng chiến, đều là cựu tù chính trị, được Đảng tin cậy nhường đó mà sợ Đảng thế đó*". Tôi quen thân một Bác sĩ vừa được bầu làm Chủ tịch Cộng Đồng. Ông điện thoại cho tôi, nói: "*Từ nay tạm gác đi lại thăm nhau. Ông cung nói với nhiều người khác xin đừng nhắc đến mối quen biết giữa tôi và ông để ông dễ làm việc*".
Dẫu vậy, tôi vẫn muốn phục hồi những người làm thơ văn, thuộc giới trẻ cầm bút sau 1963. Hiện nay có nhiều người thuộc thế hệ này, ở nước ngoài, mong có được những thơ văn của mình đã đăng trong các tạp chí trước 1975 mà không mang đi được, vào thư viện có nhiều tư liệu Việt Nam như Cornell cũng không tìm thấy, vì những số báo đó đã bị tịch thu. Có thể những bạn đó cũng muốn có thơ văn của bạn bè, đặc biệt những người đã vinh hiển nằm dưới lòng đất, để tưởng nhớ, giữ một chút kỷ niệm của bạn bè. Tôi có thể thoả mãn ước muốn đó. Rộng hơn một chút, con cháu chúng ta đang theo học, nhất là về môn văn học miền Nam. Một cách cụ thể, hồi cuối năm 2001, Nguyễn Xuân Hoàng mời tôi nói chuyện cho một lớp Văn học Việt Nam gần 20 người tổ chức ở đại học Berkeley, tôi có hứa với các anh chị đó sẽ cung cấp cho họ tài liệu tương đối đầy đủ về khuôn mặt văn học miền Nam thời VNCH: phong phú và đa dạng.

Sau cùng, đã có nhiều bài báo, sách văn học sử, về văn học miền Nam thời kỳ VNCH được dịch, biên tập giới thiệu bằng các tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha vv... do người Việt Nam hay người ngoại quốc thực hiện. Phải nói thẳng: thật là thê thảm. Những tài liệu đó hoặc không nói đến, hoặc xuyên tạc, bôi nhọ văn học miền Nam thời kỳ VNCH. Do đó, hiện nay công chúng đang rất cần được cung cấp tài liệu để phục hồi hình ảnh trung thực, chính xác văn học miền Nam thời VNCH... Thiết tưởng, chỉ cần chụp photocopie với số lượng theo nhu cầu của các đại học, trung tâm Việt học, thư viện hay cá nhân muốn có.

Trở lại việc bỏ qua hoặc bôi nhọ văn học miền Nam thời kỳ Việt Nam Cộng Hòa, xin dẫn chứng hai trường hợp cụ thể:

- 1- Nhà xuất bản P.U.F (Pháp) xuất bản một tự điển các triết gia của cả thế giới, *Dictionnaire des philosophes*. Paris. 2 vol.1984. Được coi là triết gia, những vị sau đây ở miền Bắc: Đào Duy Anh, Hồ Chí Minh, Hồ Tùng Mậu, Huỳnh Thúc Kháng, Lê Duẩn, Lê Hồng Phong, Đặng Thái Mai, Trần Phú, Trường Chinh, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Khắc Viện, Nguyễn Khoa Văn (Hải Triều), Phạm Như Cương, Trần Văn Giàu, Phạm Văn Đồng, Trần Đức Thảo. Miền Nam gồm có: Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Duy Cần, Kim Định, Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung, mỗi người vài dòng.

Jean Chesnaux, sử gia Mác-xít trong "*Fondements historiques du communisme Vietnamien*" tạp chí *L'homme et la société*, số 4, tháng 12, 1969 nhận xét: "*Mặc dầu con số đông đảo trí thức trong hàng ngũ những người sáng lập và cả trong số những người lãnh đạo, CS Việt Nam không bao giờ lại rung động bởi những cuộc khủng hoảng ý thức hệ lớn lao: không bao giờ nó tạo ra được một nhà tư tưởng Mác-xít cỡ một Gramsci, một Li-da-Thao, một Lukacs, một Schaff. Nó không đóng góp về lý thuyết tổng quát cho phong trào Cộng Sản quốc tế, chỉ trừ một địa hạt -và đó là điều đáng kể- địa hạt quân sự.*" (trang 93). Nếu hiểu như J. Chesnaux, tự điển triết học không thể kể đến người Cộng Sản Việt Nam, trừ Trần Đức Thảo. Nhưng Trần Đức Thảo là người Tây phương gốc Việt, vì ngôn ngữ và nội dung triết học trong sách báo của ông là Triết học Tây phương, và viết bằng tiếng Pháp. Nhưng nếu hiểu người Mác-xít là người biến đổi thế giới, nghĩa là làm cách mạng, không phải giải thích thế giới như Marx đã quan niệm thì những người sáng lập, lãnh đạo đảng là Cộng sản, nhưng theo nghĩa đó thì không phải chỉ mấy người lãnh đạo, mà tất cả đảng viên các cấp đều là "triết gia" cả và đáng được đưa vào tự điển các triết gia thế giới. Dù sao, tôi được biết cuốn này do cán bộ viện triết học thông báo, nhưng không quảng cáo, giới thiệu chỉ nói nhỏ với nhau thế thôi, vì được khen mà lấy làm xấu hổ.

Tôi nêu vấn đề với giáo sư Trịnh Văn Thảo, người trách nhiệm giới thiệu các vị kể trên vào cuốn tự điển này, và cung không nhận được lời giải thích thỏa đáng.

- 2- Trường hợp thứ hai, cuốn *Mille ans de littérature Vietnamiennne, une anthologie*. Éditions Philippe Picquier, édition établie par Nguyễn Khắc Viện et Hữu Ngọc. Cuốn này do nhà xuất bản ngoại văn Hà Nội in lần đầu năm 1979, lần thứ hai cộng tác với cơ quan ACCT của Pháp, và lần thứ ba do nhà xuất bản Philippe Picquier. Người chủ biên tủ sách Việt Nam là Phan Huy Đường, giới thiệu cuốn văn học sử này và là dịch giả nhiều truyện của mấy tác giả như Bảo Ninh, Dương Thu Hương... Trong lời giới thiệu, ông Phan Huy Đường cho biết cuốn sách này đã được hầu như tất cả chào đón và nó xứng đáng được như vậy, mặc dầu ông nhìn nhận những khuyết điểm, đặc biệt khuyết điểm liên quan đến văn học hiện đại: không đả động gì hết đến văn học miền Nam thời VNCH mà ông đồng ý với các tác giả miền Bắc gọi là vùng do "Pháp Mỹ kiểm soát".

Ông Phan Huy Đường còn viết giới thiệu văn học Việt Nam trong *Dictionnaire universel de la littérature*, P.U.F., 1994, trong đó phần về miền Nam, sau 1954, ông gọi là văn chương của những người di cư và văn chương của người miền Nam là một thứ thập tự quân chống cộng (Croisade anticommuniste).

Thưa ông Đường, tôi chả biết nói gì với ông! Thật buồn, mãi đến 1996 mà ông chưa mở mắt ra. Ông ngồi ở Paris phán, mà chả hiểu gì tình hình miền Nam cả; xin thưa ông ở trong nước, miền Nam có những người trí thức trẻ tuổi, không phải chỉ có cảm tình mà còn đi theo cách mạng. Họ tiếp xúc với chế độ qua các thể chế và ngôn ngữ công khai, chính thức, lúc họ ra khu đi Hà Nội từ năm 1968 đến 1975, họ chán ngán ngay. Sau 1975, không thiếu những người trẻ đó như Nguyễn Đắc Xuân, Hoàng Phủ Ngọc Tường ghé Paris, ông cứ hỏi, họ nói thật cho ông nghe.

Xuân Diệu có chân trong ban biên tập cuốn Văn học Sử Việt Nam có kể cho ông Trương Thi bạn thân của Xuân Diệu và là hàng xóm của tôi: Một viện Hàn Lâm Đông Âu ngỏ ý phong viện sĩ cho ông, nhưng cho biết chỉ xét thơ Xuân Diệu trước 1945. Nhà thơ vui vẻ nhận và Đảng cung đồng ý với đảng nước anh em. Ông Nguyễn Linh, phó giám đốc nhà xuất bản Sự Thật của Trung Ương Đảng kể lại cho tôi: Sau 1975, ông được Tố Hữu cử vào Nam tiếp quản văn hoá miền Nam. Về Hà Nội báo cáo với Trưởng Ban Tuyên Huấn: Ông đề nghị Tố Hữu chỉ đọc một cuốn truyện thôi: *Loan mắt nhưng* của Thụy Long, và sau một tuần sẽ trở lại xin ý kiến. Tuần sau, Tố Hữu phát biểu: *Miền Bắc ta không ai viết truyện hay như thế...* (Tôi đã xin phép ông Nguyễn Linh phổ biến câu truyện này). Theo tôi nghĩ, miền Bắc có thể có nhiều người viết hay hơn Nguyễn Thụy Long nếu họ được tự do viết. Trở về trường hợp Phan Huy Đường, khi những Bảo Ninh, Dương Thu Hương xuất bản truyện, ông hăm hờ dịch giới thiệu với độc giả nói tiếng Pháp như những tác phẩm đầu tiên dám nói thẳng, nói thật về chiến tranh Việt Nam mà có lẽ ông không thấy là sau khi chiến tranh kết thúc, cả mười, mười lăm năm, miền Bắc mới được nói, và vẫn còn nói theo luận điệu chính thức; trong khi ở miền Nam, nhiều nhà thơ, nhà văn đã nói lên nỗi buồn chiến tranh, nỗi buồn quê hương ngay trong lúc chiến tranh đang diễn ra mà ông không biết đấy thôi. Và tôi xin mời ông cầm đọc những thơ văn đó.

Về những cái nhìn sai lệch của Bảo Ninh, Dương Thu Hương trong truyện của họ, đối với độc giả Việt Nam, có thể không quan trọng mấy, nhưng khi truyện của họ đã được ông dịch sang tiếng Pháp và độc giả Pháp đã tiếp nhận từ hai tác phẩm này, những cái gọi là "dã man" của quân đội Việt Nam Cộng Hòa, thì tôi xin chuyển đến ông và qua ông đến hai nhà văn đó, bài: *"Đôi mắt người bị xử bắn trong rừng bình bát"* của Nguyễn Bửu Thoại. Ông đã dịch Bảo Ninh và Dương Thu Hương, liệu ông có nên dịch thêm bài của Nguyễn Bửu Thoại, dù chỉ là để cho những người bị hai nhà văn này buộc tội, có quyền được trả lời? Riêng Nguyễn Bửu Thoại có lời nhắn nhủ: *"Tôi mong bà Dương Thu Hương và ông Bảo Ninh đọc được truyện này. Tôi lặp lại lần nữa là tôi không có ý định viết chuyện để bênh vực người lính miền Nam, hoặc để phản bác lại hai tác phẩm của ông và bà vì một lý do rất đơn giản: tôi không hề là một nhà văn, nên không có tham vọng tranh danh, giật lợi bằng ngòi bút, theo lập luận đời thường đánh một người nổi danh để được nổi danh hơn."*

Tôi chỉ là người lính chiến trong cuộc, chứng kiến sự thật, kể lại sự thật, một sự thật nhỏ bé, trong vô vàn sự thật to tát, từ cuộc chiến tự vệ của miền Nam, một cuộc chiến bị bóp méo, bị xuyên tạc, bị xỉ vả bởi những ngòi bút đứng trong hàng ngũ của kẻ thắng trận.. Ông Đại đội trưởng và Tiểu đoàn trưởng trong truyện nay hiện đều định cư tại thành phố Houston sau nhiều năm trong trại cải tạo, còn bốn anh thương binh trong truyện có lẽ hiện vẫn còn sống, nếu không đủ cả bốn thì còn hai ba. Đây là một ấn tượng sâu sắc trong đời các anh nên chắc chắn các anh phải nhớ. Nếu truyện này được phổ biến trong nước và thật sự các anh là người có chút liêm sỉ, các anh sẽ không thể quay lưng lại sự thật của Quá khứ."

*

Sau cùng, tôi vừa nhận được bản tin do tôi yêu cầu Đặng Tiến ở Paris gửi, về Võ Phiến và đại học Paris mà tôi *thông tin* lại dưới đây (2).

Tôi không có ý kiến gì về luận án vì chưa đọc, chỉ ghi nhận ý kiến của Thụy Khuê, chắc chắn đã đọc kỹ Võ Phiến và Marcel Proust, một tác giả khó đọc, khó hiểu đối với những người không am

tường văn học Pháp. Thụy Khuê nói: Khi nghiên cứu văn bản của Võ Phiến, không có gì giống Marcel Proust cả. Ngoài ra Thụy Khuê cũng phê bình *"cách phê bình của Võ Phiến trong bộ Văn học miền Nam 6 tập không những không giúp ích gì cho sự tìm hiểu văn học miền Nam mà lại còn hại cho sự nghiệp văn học của Võ Phiến"* (Bài *"Vấn đề đoạn tuyệt với quá khứ..."*, tạp chí *Hợp Lưu*, Xuân Quý Mùi, số 68, tháng 12-2002 và tháng 1-2003, trang 34-37.).

Điều tôi lo ngại là bà Trương thị Liễu, nếu chỉ dựa vào bộ *Văn học miền Nam* của Võ Phiến để tìm hiểu về lịch sử văn học miền Nam (1955-1975) thì có thể hiểu sai: trước hết chính những tác giả mà Võ Phiến giới thiệu trong bộ sách đó, mà còn không hay biết gì về những người làm biên khảo (phê bình, văn học sử) và dịch thuật, là hai bộ môn mật thiết liên hệ đến văn học đối chiếu đã bị Võ Phiến gạt đi trong bộ sách của Võ Phiến. Ví dụ cụ thể, bà Liễu dịch Đông Kinh Nghĩa Thục là Institut du Tonkin, bố Tây không hiểu là gì, kể cả Tây giám khảo! Tôi cũng lo ngại về khả năng am hiểu của bà về lịch sử văn học Việt Nam. Bà dựa vào Nguyễn Khắc Viện, soạn giả bộ *Nghìn năm lịch sử Văn học* nói ở trên, mục Glossaire, trang 400. Tại sao bà không tìm tài liệu của những người miền Nam như Nguyễn Hiến Lê mà Đặng Tiến, người hướng dẫn luận án đã lưu ý. Cuốn đó không khó kiếm đâu. Lá Bối tái bản ở Hoa Kỳ, có bày bán ở tiệm sách. Bà xem chú thích trang 44 và giải thích trang 47 sẽ rõ.

Sau cùng, tôi lo ngại dự định của bà muốn *"khôi phục một thời kỳ văn học bất hạnh dưới một chế độ phiêu pha tại miền Nam từ 1954-1975"*. Tôi không hiểu bà muốn nói chế độ phiêu pha đó là gì, nhưng dù muốn đánh giá nó thế nào đi nữa, nó là chế độ đã cho phép -mặc dầu hạn chế- cho mọi xu hướng biên khảo, sáng tác được diễn tả, kể cả mảng thơ văn của giới trẻ Việt sau 1963 mà Võ Phiến gạt bỏ.

Võ Phiến trong Đại học: Như vậy là Võ Phiến đã được xưng tụng ở hải ngoại hầu như qua tất cả những hình thức quen thuộc: Ngày Võ Phiến, những số đặc biệt của các tạp chí Văn học, những cuốn sách biên khảo, và sau cùng đề tài luận án Đại Học.

Võ Phiến là một thần tượng: Về chính trị được coi là người chống Cộng số một. Về văn học: Lãnh đạo một trong bốn khối lớn văn học miền Nam trước 1975. Đó là những vương miện mà một số người ở hải ngoại đội lên đầu Võ Phiến, và Võ Phiến chấp nhận... Di nhiên, có những người khác có lối nhìn khác: Đất nước Việt Nam đã bị khốn khổ, khốn nạn vì có những người Cộng sản số một và những người chống Cộng số một. Ngày nay, ý thức hệ đó kể như không còn nữa, nhưng đất nước Việt Nam vẫn chưa thoát ra khỏi được thân phận khốn cực, khốn nạn vì vẫn còn những *người Cộng Sản sợ Cộng sản* và những *người chống Cộng sợ những người chống Cộng*. Lời khen đối với một số người trở thành lời nguyên rủa hay than trách đối với những người khác.

Về đứng đầu một khối Văn học, những người đương thời đều thấy đó là một cách dựng đứng để xưng tụng mà thôi. Như trên đã nói, hồi ký của Huỳnh Văn Lang, người sáng lập ra tạp chí Bách Khoa, tựa đề *Nhân Chứng một chế độ*, tập 1, tác giả xuất bản, cho biết về nguồn gốc tờ báo và *vai trò của Võ Phiến (trang 418-430) chỉ là một người cộng tác viết bài như những người khác*. Hồi ký Nguyễn Hiến Lê (xuất bản Văn học, 414-431) cũng ghi nhận tương tự. Huỳnh Văn Lang viết:

"Võ Phiến chỉ là cây bút viết đều, viết nhiều cho Bách Khoa, không hề giữ vai trò quy tụ, điều hành nào của tờ báo này."

Thực tế của văn học miền Nam, theo Nguyễn Hiến Lê, *"không có nhóm nào nổi bật, gây ảnh hưởng lớn trong văn chương như Nam Phong, Tự Lực Văn Đoàn trước 1945. Bách Khoa không có một chủ trương mới mẻ, mạnh mẽ, cải cách cả về tư tưởng lẫn sự trình bày như tờ Phong Hoá Ngày Nay. Trước sau vẫn giữ lập trường ôn hoà đứng giữa, không theo Cộng, không theo Mỹ, như vậy làm sao nói nó như một phong trào ảnh hưởng tới quốc dân được như Tự Lực. Còn khối Sáng Tạo, do một nhóm nhà văn trẻ ở Bắc di cư vào lập nhóm, và họ muốn làm một cuộc cải cách, nhưng họ không đủ kiến thức, tài năng, chỉ hô hào chống Cộng - điều này không*

có gì mới lạ - mà càng không sâu sắc, vì họ ít đọc sách báo ngoại quốc và đã trở lại lối viết của TLVD trước kia, mà người cầm đầu Sáng Tạo - Mai Thảo - lại có bút pháp cầu kỳ " làm duyên, làm dáng" không hợp thời chút nào, chính bọn họ cũng không theo. Rồi cuộc chẳng được tiếng vang nào cả. (trang 419).

Ý kiến của Nguyễn Hiến Lê phản ánh dư luận chung của người đương thời về Sáng Tạo. Nhưng người của các thế hệ sau hoàn toàn có quyền có lối nhìn khác, chẳng hạn, coi tiểu thuyết của Mai Thảo là sâu sắc. Tuy nhiên, về *phương diện văn học sử*, phải tôn trọng ý kiến của người đương thời. Ngoài ra, cả Bách Khoa, Sáng Tạo đều được thành lập để thực hiện một chủ đích chính trị của người Mỹ và những người lãnh đạo nền đệ nhất cộng hoà mà tôi sẽ nói ở chỗ khác.

Với tư cách nhà văn, Võ Phiến chắc chắn có chỗ ngồi trong văn học sử Việt Nam thời VNCH. Người đọc và phê bình văn học có thể đồng ý với nhận xét của Nguyễn Hiến Lê về Võ Phiến: *"viết tiểu thuyết, nhưng thành công nhất về tạp bút (tùy bút) ý sâu sắc và lối viết dí dỏm"* (trang 416), *"tạp bút của ông được nhiều người thích hơn... Đông Hồ khen là nhất miền Nam. Về loại đó, ông sâu sắc như Nguyễn Tuân mà tự nhiên hơn, dí dỏm hơn, đề tài phong phú hơn, đa dạng hơn, nhưng ông cũng có tật hay gợi đến vấn đề sinh lý."* (trang 430).

Võ Phiến viết tiểu thuyết, tùy bút: được lắm, nhưng viết tùy bút liên quan đến chính trị, chọn đứng ở một phía, chỉ cho thấy cái lý của một phía trong khi thực tế ở Việt Nam, là chiến tranh ý thức hệ. Chỉ ở một phía mà muốn vượt trên cái lý của các bên, để đi đến cái bi đát, bi thảm là không thể, bởi vì cái bi đát, bi thảm không xóa bỏ cái lý mà chỉ vượt lên trên. Cho nên, nếu chỉ đứng ở một phía, nhà văn Võ Phiến không viết được cái bi thảm, bi đát, vì sự lựa chọn của ông, tự nó đã bỏ qua cái bi đát bi thảm của từng gia đình, kể cả gia đình Võ Phiến (ông có người em ruột ở phía bên kia), chưa nói đến cái bi đát bi thảm của đất nước. Võ Phiến bỏ lãnh vực sáng tác, bước vào lãnh vực phê bình văn học, rồi Văn Học Sử là hai địa hạt vượt khỏi chuyên môn và tài năng của Võ Phiến. Vì vậy, ông đã phạm những sai lầm thật trầm trọng.

*

Viết xong những dòng kể trên, đụng đến Võ Phiến, tôi đọc bài *"Cây thông"* của Phan Lạc Tiếp trong Tạp chí *Đi Tới*, Montreal số Xuân quý mùa 2003. Phan Lạc Tiếp ca tụng Võ Phiến thật tình và người đọc không thể không nhìn nhận lòng thành của ông.

Nhìn một người dựa vào một số dữ kiện: bề ngoài tính tình hiền hậu ăn nói hoà nhã, đã lớn tuổi không còn sống bao lâu qua nhiều lần giải phẫu, tuy vậy vẫn cố gắng sưu tầm viết về văn học miền Nam đã bị cộng sản xóa bỏ thì dù công trình đó thể nào đi nữa cũng đáng được trân trọng biết ơn. Nhìn như thế phải đi tới kết luận như vậy, thật hợp lý với lối nhìn đã lựa chọn và đúng trong khuôn khổ lối nhìn đó. Nhưng nếu dựa vào những dữ kiện khác, sẽ đưa đến một kết luận khác cũng thật hợp lý với lối nhìn đã lựa chọn và cũng đúng trong khuôn khổ lối nhìn đó. Cả hai kết luận đều đúng trong mỗi lối nhìn và do đó chỉ khác nhau.

Lối nhìn thứ 2 như sau: Nghiên cứu, giảng dạy văn học ở các trường trung học đại học thời VNCH chưa đạt được quy chế "statut" của một bộ môn khoa học như y học, luật học. Hai trường y khoa và luật khoa đào tạo những người chuyên môn về luật và y, ra làm luật sư bác sĩ. Những người không xuất thân từ những trường đó không dám đụng đến chuyên môn về y học luật học. Trái lại đại học văn khoa dạy văn chương, sử ký thì chưa. Tình hình chung là có người chỉ biết ít nhiều về văn chương VN, sử ký VN đọc thêm chút ít nữa viết ra một số bài là có thể trở thành nhà nghiên cứu văn chương, sử ký. Đó là một thiếu sót tất yếu không thể tránh được; phải chờ đợi nhiều năm nữa Đại học văn khoa mới có những người chuyên

môn về văn sử, ngôn ngữ, Hán Nôm, Phật học, tốt nghiệp không phải ở các đại học Âu Mỹ mà ở các đại học Đài Loan, Nhật Bản, Ấn Độ, tạm đủ để tạo một ban giảng huấn có học vị chuyên môn. Tạm thời Đại học Văn Khoa vẫn phải trân trọng mời các vị học giả làm giáo sư của trường, hoặc giáo sư thỉnh giảng, đôi khi mời cả những người sáng tác đến nói chuyện cho sinh viên học hỏi kinh nghiệm viết văn như Thanh Lăng đã mời Tam Lang, Nhật Tiến, Nguyễn Thị Hoàng. (Xem những bài tường thuật trong tạp chí *Nghiên Cứu Văn Học* năm 1971)

Nhu vậy phải nhìn nhận có một tình trạng lạc hậu chậm tiến về mục tiêu tiến tới quy chế một bộ môn khoa học của ngành văn sử VN so với các ngành khác. Sự kiện này đã cho phép nhiều người không có tú tài hoặc có chuyên môn khác như luật sư, bác sĩ, bước vào lãnh vực văn, sử. Thật ra những lạm dụng danh nghĩa về văn sử trầm trọng cũng ít xảy ra, vì dư luận báo chí không buông tha. Trong tình hình như thế thật khó tưởng tượng một vụ đề cao Võ Phiến như thấy ở hải ngoại, đã có thể xảy ra trong thời VNCH. Tôi không biết ở nơi nào, thời đó, các đại học công tư như Vạn Hạnh, nơi quy tụ nhiều học giả, có ý định mời Võ Phiến nói một buổi về kinh nghiệm viết văn của mình. Tuy nhiên một tập giới thiệu tình hình văn nghệ miền Nam của Thế Phong 1957-1961, in roneo 50 bản, cũng nhắc đến Võ Phiến: "*Võ Phiến qua Người tù, Chữ tình, những truyện ngắn đầu tay là kinh nghiệm sống rất đậm, kinh nghiệm ở khu kháng chiến, nói lên được khía cạnh nhân bản trong phi nhân bản mác-xít. Về sau này, thấy ăn khách và ăn tiền khai thác quá tay nên trở thành nhàm chán lỗ bịch.*" (trang 17)

Nhưng biến cố 30/4/1975 đã buộc một số đông người Việt bỏ nước ra đi định cư ở Bắc Mỹ. Trong cái rủi có cái may: đi Mỹ không phải đi du học mà đi định cư với cả gia đình, trở thành công dân nước giàu mạnh và có nền văn hóa sinh động nhất thế giới. Những người thiên về khoa học tự nhiên đã sớm hội nhập vào xã hội mới; còn những người viết văn, viết báo, đáng lẽ nên lợi dụng cơ hội ngàn năm một thuở này để học hỏi văn hóa, văn học Mỹ qua những tổ chức trong và ngoài đại học, nhằm giảm bớt những khoảng cách lạc hậu chậm tiến của mình so với trình độ tiên tiến của nước mà nay mình nhận là quê hương thứ hai, nhiều người lại lựa chọn tiếp tục lối sống, cảm nghĩ làm văn học như ở VN. Do đó xảy ra tình trạng là một số người tạo ra đủ các chiêu bài, giả vờ tin là thật, rút cục tin thật điều giả vờ, để tự lừa dối và lừa dối người khác. Võ Phiến thay vì bận tâm tự biện minh bằng cách so sánh việc làm của mình với của Hoài Thanh, Vu Ngọc Phan đều đã lỗi thời từ lâu, nên nghi đến việc so sánh mình với những nhà biên khảo văn học nổi tiếng hiện nay của Hoa Kỳ hay của thế giới.

Tôi không trách Võ Phiến, như có người đã làm, về lối nhìn đánh giá chủ quan của ông. Tính chủ quan là không thể tránh được trong nghiên cứu những vấn đề sinh hoạt của con người mà kiến thức khoa học tây phương hiện nay đã chứng nhận. Tôi chỉ trách chủ quan của Võ Phiến là võ đoán, không dựa trên một lý luận văn học nào mang tính cách khoa học. Tôi cũng không trách Võ Phiến nói nhiều đến người này, nói ít về người khác, rất sơ sài về thông tin mà chỉ trách thái độ tùy tiện của Võ Phiến. Theo chỗ tôi biết có hai cách tiếp cận với tác giả tác phẩm, lịch sử hay phi lịch sử. Cách tiếp cận lịch sử đòi hỏi trình bày càng đầy đủ chính xác càng hay, những thông tin về thời đại, cuộc đời của tác giả và xuất xứ của tác phẩm; còn lối nhìn phi lịch sử, theo cấu trúc luận chẳng hạn, chỉ cần có đủ văn bản của một tác giả hay nhiều tác giả trong một thời kỳ hoặc nhiều thời kỳ để tìm ra những yếu tố bền vững phổ quát của một tác giả hay nhiều tác giả, bất xét những chi tiết về thời cuộc cuộc đời của tác giả. Cách làm của Võ Phiến thật tùy tiện, đối với người này, hầu như chẳng có thông tin nào về tác giả tác phẩm, như thể Võ Phiến tiếp cận theo lối phi lịch sử. Đối với người kia Võ Phiến kể một số thông tin về thời đại con người thực ra chỉ là những giai thoại nghe được biết được, không phải những sự kiện ghi nhận có kiểm tra, nêu xuất xứ. Võ Phiến nói *không dám phê bình*, thật ra

Võ Phiến không phê bình khen chê dựa trên những lý luận mà dựa vào những đánh giá của người khác coi như của mình, và đôi khi bày tỏ một thái độ cao ngạo khinh miệt người khác.

Chẳng hạn nói về thơ Nguyên Sa, Võ Phiến viết về hình thức chối từ tiết điệu, gì chứ chuyện ấy thì ông Phan Khôi đã làm từ khuya, mới mẻ gì đâu. Học theo tác giả bài *Tình giao* thôi. (*Văn học miền Nam*, thơ trang 2917). Nếu Nguyên Sa còn sống liệu có để yên không?

Nói về truyện của Nguyễn Thị Hoàng (NTH), Võ Phiến chỉ ghi một nét tiểu thuyết của nữ si này ồn ào nhất trong số các nữ si thuộc tầng lớp mình. Cái yêu đương của NTH nó ồn là bởi... nó ồn, hãy biết thế. Nói về cuốn "*Vào nơi gió cát*" Võ Phiến ghi nhận chữ nghĩa quấy động ầm ầm quả như một góc địa cầu sụp đổ. Sách ấy là truyện chăng? Là tiểu thuyết chăng? E không hẳn. Từ đầu chí cuối có truyện gì đâu, toàn là gào thét. Cung là một nàng chinh phụ với một chàng vào nơi gió cát, nhưng ở Đoàn Thị Điểm là Chinh phụ ngâm, ở NTH là "*chinh phụ thét, chinh phụ rống*". Nghe hãi lắm cơ, hãi lắm." Chưa hết. Võ Phiến lôi đời tư của NTH ra chê bai: "*Tình cờ mà NTH với Kim Lefèvre cùng sinh vào năm 1939, cùng học ở Nha Trang, về sau cùng là văn si tiếng tăm. Vào thập niên 50 ở Nha Trang có xảy ra hai mối tình thầy trò. Hai nữ sinh yêu thầy, mỗi người phản ứng mỗi khác*". Tiếp theo Võ Phiến chê trách thái độ của NTH. Theo chỗ tôi biết ông thầy ở Nha Trang là Cung Giu Nguyên năm nay trên dưới 90 tuổi một nhà văn viết tiếng Pháp nổi tiếng cuối cùng vẫn còn sống từ thời đó cho đến nay. Tôi không thấy nhà phê bình nào lôi đời tư của nhà văn ra mà phê bình. Cuối cùng Võ Phiến khai tử sự nghiệp viết văn của NTH, coi như đã ngưng nghỉ từ lâu trước 75. Văn nghiệp của bà không có gì đáng kể sau cuốn *Vòng tay học trò* (*Văn học miền Nam*, truyện, tập 2 những trang từ 1093 - 1102).

Trong *Văn học miền Nam* (truyện, 1), có hai bài viết về Bình Nguyên Lộc; toàn bài đầu, Võ Phiến so sánh Bình Nguyên Lộc với Sơn Nam, đưa ra những giai thoại về chuyện ăn khách, không ăn khách, phá giá văn chương, viết hay, viết dở, ... không ăn nhập gì đến sự nhận định nội dung các tác phẩm của Bình Nguyên Lộc. Bài thứ nhì (nguyên là bài tựa trong tuyển tập Bình Nguyên Lộc do An Tiêm xuất bản, 1999), đứng đắn hơn, phần đầu cho người đọc biết một số chi tiết về cuộc đời Bình Nguyên Lộc cùng các tác phẩm đã bị thất lạc (theo Nguyễn Ngũ Í). Nhưng tệ nhất, Võ Phiến đã sử dụng những vụ việc ngoài văn bản, để suy diễn và kín đáo "đánh giá" Bình Nguyên Lộc: "*Nhất Linh mời Bình Nguyên Lộc cộng tác làm báo, nhưng Nhất Linh không để cử Bình Nguyên Lộc vào Tự Lực Văn Đoàn, không đưa sách ông vào các nhà xuất bản Phượng Giang, Đời Nay, như đối với một số nhà văn khác lúc bấy giờ (Nhật Tiến, Linh Bảo, Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam, ...). Tại sao vậy? Một cách đánh giá chăng?*" (trang 529)

Nhất Linh không để cử Bình Nguyên Lộc vào Tự Lực Văn Đoàn, có thể chỉ vì ông coi Bình Nguyên Lộc như một đồng nghiệp, có kinh nghiệm làm văn, làm báo từ những năm 42, 43..., Bình Nguyên Lộc không phải là hàng đàn em như Nhật Tiến, Linh Bảo..., và không đưa sách Bình Nguyên Lộc vào nhà xuất bản Phượng Giang vì Bình Nguyên Lộc đã có nhà xuất bản Bến Nghé riêng, đã có tuần báo Vui Sống riêng, từ năm 1959. Cách đặt câu hỏi một cách mập mờ để gián tiếp ảnh hưởng độc giả, khi đã biết rõ câu trả lời, rồi từ đó "liên tưởng" tới những giai thoại khác như Sơn Nam mua *Nhốt gió*, đọc đi đọc lại thích, vì "*giống như ca dao*", để đi đến kết luận: ông (*Sơn Nam*) có đọc truyện đâu! Ông đọc ... ca dao! (trang 530)

Dùng những ý kiến của Cao Huy Khanh, Nguyễn Văn Sâm (không thích Bình Nguyên Lộc) để gián tiếp chê bai: "*Về cái giảng giải khỏi cần dông dài: Một sự kêu trời rập ràng của hai vị Cao-Nguyễn vừa rồi đã đủ. Giảng làm chi chứ hả? Tiểu thuyết gia nào phải thầy cô của ai đâu; độc giả tìm đến cuốn truyện nào có ý học*

hỏi gì đâu mà tự dưng hạ người ta xuống phận học trò cho người ta í ới thăm thương!" (trang 531)

Một giọng văn giấu cợt, thổi phồng những nhược điểm, mà quên không nhắc ưu điểm, đặc biệt coi thường người mình phê bình, ít thấy ở một cuốn sách văn học sử hay tuyển tập phê bình nào.

Về Vu Khắc Khoan, Võ Phiến nhạo báng một cách khác:

"Vấn đề" là sự yêu thích, là sở trường của ông. Trong các cái ông viết nhân vật không có mẹ Lê, có Xuân Tóc Đỏ, có cô Loan cậu Dung nào. Túc không có những kẻ chúng ta vẫn gặp ngoài đời, trong xã hội quanh mình. Lại có toàn những ông Thành Cát Tư Hãn, gã Sơn Ca, có Thăng Cuội, Chúc Nữ, Ngư Lang, có Lưu Thần, Nguyễn Triệu, có một lu quạ con nói leo lẻo, và có cả ông Trời luôn! Những nhân vật như thế, cái cốt cách như thế, ở vào thời đại xa xưa huyền hoặc như thế, cái cốt cách của họ khác ta, khác của người đời bây giờ; mà khung cảnh đất trời xung quanh họ cũng khác lạ" (trang 1802, truyện, 3). Sau đó, Võ Phiến trích một số đoạn trong Thần Tháp Rùa để dẫn chứng "sự khác lạ" này và đi đến kết luận về văn phong của Vu Khắc Khoan: "Nó phảng phất lối văn của Nhất Linh thời Hồng Nương! Hồng Nương!" (trang 1803).

Rồi tiếp đó, lại mượn lời Uyên Thao để viết mấy trang về cái "ưỡn ẹo" của Mai Thảo, Vu Khắc Khoan và Nguyễn Thị Hoàng: *"Về cách uốn ẹo, ông Uyên Thao kể tên Mai Thảo trước, Vu Khắc Khoan sau. Lẽ ra tên ông Vu nên được đặt trước: ông lớn tuổi hơn, lại bắt đầu văn nghiệp sớm hơn" (trang 1804). Phê bình tư tưởng của Vu Khắc Khoan, Võ Phiến chế giễu: "Ông Vu dấy động lên các vấn đề. Chuyện này là cái cốt của một vấn đề; chuyện khác lại là cái cốt để ông nêu ra vấn đề khác, không có chuyện gì ông cung bịa ra vấn đề, ông quay cuồng giữa bao nhiêu là vấn đề, ông hô phong hoán vu tạo ra vấn đề, để nói ngông chơi." (trang 1807)*

Một cách viết "phê bình" như vậy, không còn "vấn đề" nghiêm chỉnh nào có thể bàn được, bởi chính "nhà phê bình" đã đưa nhà văn ra làm thẳng hễ để giấu cợt dưới mắt người đọc.

Về Mai Thảo, Võ Phiến bác bỏ toàn bộ văn phong của Mai Thảo:

"Ông dựng câu văn đẹp. Đẹp thì tốt quá. Đẹp thì gây xúc cảm, mỹ cảm, thì làm người đọc mê tơi. Nhưng người viết mãi mê tìm đẹp có khi chệch cái, đâm hỏng. Đó là cái hỏng của câu văn kêu." (trang 2369, kịch, tùy bút). Rồi ông trích những câu văn của Mai Thảo ra để "bình": "Bảo rằng chữ nghĩa rồn rang, danh từ to lớn, câu cú kiểu cọ... là thủ phạm thì oan", "phần tốt, son cung tốt. Nhưng quá đáng thì đâm ra dị hợm. Một vàng trán cao, hay lắm. Nhưng cao như trán hói, mất hay. Cái quá đáng trong son phấn, trong sự trang sức ấy, ông Nguyễn Hưng Quốc khéo léo dùng chữ "lòe loẹt". Ông Uyên Thao bảo đó là "ưỡn ẹo"" (trang 2370)

"Chắc chắn từ ngày khoa cử bằng chữ Hán bị bãi bỏ, không mấy ai sính văn biên ngẫu bằng Mai Thảo" (trang 2371)

"Lời đẹp là lời bóng bẩy, cầu kỳ. Câu muốn đẹp, ông xây dựng cho nó những kiến trúc thật lạ, thật rắc rối. Mãi mê theo những cái ấy, lắm khi ông quên rằng chúng nó cũng cần có một cái nghĩa." (trang 2372)

"Trong hồi hải, người duy mỹ vẫn nhất định vươn phóng. Vươn phóng quá quắt, mà cực nhọc quá chừng. "Một rú thét kín trùm". Chao ôi!" (trang 2374)

"Vội vàng, đã một bất lợi. Lại còn nổi cực đoan, sốt tiết. Động tới cái gì ông cũng phóng đại lên, đẩy tới chỗ tột cùng. Trong ngôn ngữ ông có cả một kho tiếng lớn. Như thể kho vu khí hạng nặng để công phá âm i: "ngọn đỉnh đồi", "đêm ngà ngọc", "nhận thức luận về mọi hiện tượng của cấu thành và hủy thế" ..." (trang 2374)

Điều đáng ngại là một tuyển tập có tính cách văn học sử và phê bình, được người ta coi là "chính thức" như vậy về văn học miền Nam, sẽ cho người đọc một đánh giá sai lạc về những tác giả được giới thiệu. Một vài dẫn chứng trên đây cho thấy, theo Võ Phiến, Bình Nguyên Lộc, Mai Thảo, Vu Khắc Khoan, chẳng có tài cán gì cả: Bình Nguyên Lộc thì hời hợt, chỉ biết giảng giải; Vu Khắc Khoan bày các trò hề, chẳng có vấn đề cung bịa ra vấn đề để nói ngông chơi; Mai Thảo, sốt tiết, dị hợm, đặt những câu văn vô nghĩa, v.v... Tất nhiên, ông có chêm vào một vài câu khen hoặc không chê, nhưng những câu này không được khai triển, chúng tắt ngấm, chìm lấp trong không khí nhạt bóng, giễu cợt. Toàn thể bài viết, hầu như không có chỗ nào Võ Phiến muốn thật sự tìm hiểu những cái hay của của các tác giả này để trình bày với người đọc. Xét về mặt đạo đức nghề nghiệp của người phê bình, ở đây đã không thấy có, chưa kể đến giọng mỉa mai, châm biếm, và hạ thấp các đối tượng mà Võ Phiến muốn giới thiệu với độc giả.

Ngày nay, Bình Nguyên Lộc, Mai Thảo, Vu Khắc Khoan đều đã qua đời, không ai có thể nói lại. Tôi là người cùng thời và còn sống, bắt buộc phải lên tiếng vì không thể bỏ qua.

*

Sau cùng, đúng như Võ Phiến đã thú nhận bỏ mà không quên trong việc Võ Phiến gạt ra ngoài bộ *Văn học miền Nam*, một mảng lớn thơ văn của những người trẻ viết sau 1963, vì lý do chính trị. Tố cáo những người đó viết trong các tạp chí của Cộng sản hay tiếp tay cho Cộng sản. Như vậy sự phủ nhận của Võ Phiến có khác gì sự phủ nhận văn học miền Nam của miền Bắc? Cả hai đều vì lý do chính trị, nhưng thực sự có khác về động cơ cá nhân của người phủ nhận. Những người viết phủ nhận văn học miền Nam, trong sách báo ở miền Bắc, có thể chỉ làm theo đường lối chính sách, nhưng trong thâm tâm thì thích thú và cảm phục. Còn Võ Phiến có chính phủ đảng cầm quyền nào ở hải ngoại buộc Võ Phiến phủ nhận đâu?

Tuy nhiên tôi thấy không thể thuyết phục được những ai xưng tụng Võ Phiến bằng lý luận dù hợp lý và vì thế phải đưa ra một lối nhìn khác không dựa vào lý luận mà vào lối tiếp cận qua xã hội học, địa lý chính trị như tôi đã làm trong việc tìm hiểu văn học miền Nam thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Người miền Bắc khó hiểu được tại sao miền Nam có nhiều những ông đạo kể cả đạo Cao Đài. Đào Trinh Nhất, một ký giả nổi tiếng người Bắc vào sinh sống trong Nam viết cuốn *Cái án Cao Đài* lúc đạo này mới xuất hiện. Lý luận rất có hệ thống hợp lý nhưng không thuyết phục được người Cao Đài. Những người Pháp đứng đầu về an ninh hành chánh Nam kỳ nghiên cứu theo xã hội học hiện tượng Cao Đài (Xem *Le Caodaïsme, Lalaurette et Vilmont*, bản đánh máy 132 trang) đã đi đến kết luận Cao Đài là một hiện tượng thuần túy Nam kỳ (*Strictelement cochinchinois*) nhằm đáp lại một nhu cầu về tâm linh của người Nam kỳ. Do đó họ cho phép Cao Đài hoạt động ở Nam kỳ, nhưng cấm ở Trung-Bắc kỳ và Cao Mên. Những người Âu châu vùng đất cu cung khó hiểu những đạo xuất hiện ở Bắc Mỹ vào những thế kỷ 18-19 mặc dầu những đạo đó đều bắt nguồn từ Kitô giáo mà không phải Công giáo hay Tin lành. Trong cộng đồng người Việt ở Bắc Mỹ hiện nay có những hiện tượng Trương Tấn Đạt, một luật sư người Công giáo ở Sài Gòn trước 75, hiện tượng Thanh Hải vô thượng sư. Tôi có tìm hiểu bằng phỏng vấn trực tiếp độ 30 người trí thức trẻ người Việt và người Mỹ, Canada để tìm hiểu tại sao họ nhận Thanh Hải làm sư phụ mặc dầu họ là những người gốc đạo thiên chúa hay Phật giáo. Tôi cũng thấy Thanh Hải đáp lại một nhu cầu về tâm

linh của họ. Kim Định một linh mục viết những sách về Việt nho, trước 75 mặc áo dài trắng như Cao Đài được nhiều sinh viên ưa thích. Nhưng chỉ sang Bắc Mỹ những người ưa thích mới tổ chức thành nhóm trao đổi in sách của Kim Định, coi Kim Định như một thứ sư phụ, nhưng chính Kim Định lại cảm thấy cần một sư phụ. Tôi có đọc một thư của Kim Định gửi Thanh Hải vô thượng sư xin được làm đệ tử của Thanh Hải, nhận Thanh Hải làm sư phụ (thư này không giả mạo vì tôi biết chữ của Kim Định).

Tìm hiểu lối nhìn đánh giá của Võ Phiến trong *Văn học Miền Nam* tôi cũng nhận ra đây không phải là phong cách của người làm văn học, mà như thể của một thứ sư phụ trong văn học, không dựa trên lý luận, mà trên một uy tín tinh thần, đã được gán cho để khen chê người nọ người kia. Chẳng hạn nói đến Nguyễn Mộng Giác (NMG), một người đồng hương, Võ Phiến ca tụng dựa vào một cú điện thoại của Lê Tất Điều: "*NMG viết truyện hay quá trời.*" Về con người NMG cũng được yêu thích, tóm lại không có điểm nào có thể chê trách NMG được. Nhưng đến NTH thì nhà văn nữ này viết truyện chỉ là gây ồn cung như đời sống yêu đương cung chỉ là ồn ào. Những người ngưỡng mộ Võ Phiến không thấy cung cách của Võ Phiến là không phù hợp với những đòi hỏi phê bình của nghiên cứu khoa học, vì thế nếu những người không chia sẻ lòng ngưỡng mộ Võ Phiến mà chê trách Võ Phiến, chỉ càng làm cho những người ngưỡng mộ Võ Phiến, ngưỡng mộ hơn mà thôi.

Vậy những ai không ngưỡng mộ Võ Phiến như một sư phụ thì xin cầm đọc một bộ văn học miền Nam khác. Trong bài "*Sưu tầm lưu trữ khai thác vốn cu văn học VN*" (tạp chí Hợp Lưu số 47 /1999), tôi đã đưa ra đề nghị cụ thể: ước mong cộng đồng người Việt thiết lập một thư viện văn khố Việt Nam và tôi sẵn sàng đóng góp phần của mình -- ngày trước, tôi nhận được thư của ông Lê Đình Điều loan báo việc thành lập "Người Việt Foundation", và đóng góp 50 ngàn đô-la. Tôi đáp lời ông Điều, nói: tôi không có tiền, nhưng có sách báo chả nhẽ bán đi mà góp tiền. Chẳng may ông Điều qua đời, không rõ hội này bây giờ ra sao. Thực tế những ai cần đọc hoặc những bài của mình hoặc của bạn bè hay của cả tạp chí, chỉ xin liên hệ với chúng tôi để sao chụp, không phải chỉ các tạp chí Hành Trình, Đất Nước, Trình Bày, Nghiên Cứu Văn Học, và cả Sáng Tạo, Thế kỷ 20, Hiện Đại, Văn nghệ, Văn Hóa Ngày Nay, Văn, Bách Khoa...

Đọc rồi thì đọc lại, chưa đọc thì đọc văn học miền Nam thời VNCH, chắc sẽ thấy nền văn học này phong phú đa dạng như những người miền Bắc nhận xét sau 75. Về tính chất, văn học này không có tính Đảng hay Quốc gia hiểu trên phương diện ý thức hệ, mà chỉ có tính Việt Nam. Người Cộng sản nắm vùng chỉ có thể làm thứ văn chương biểu lộ tính VN tính dân tộc để quy tụ, tranh thủ những người Quốc gia chống Cộng tham dự các tổ chức sinh hoạt tranh đấu của họ. Trong *Văn học miền Nam tổng quan*, Võ Phiến nhắc tới tờ *Tin Văn* được sự chỉ đạo của Cộng sản, và vì thế "*thuộc hẳn về giặc rồi, còn những tờ Trình Bày, Đối Diện đóng góp rất nhiều cho Cộng sản trong việc thôn tính miền Nam, Hành Trình, Đất Nước cũng đóng góp được đáng kể đấy. Nghiêm chỉnh, trịnh trọng, ngây thơ họ đóng góp đều đều chăm chỉ cho Cộng sản.*" (trang 216-217). Xin mời đọc *Tin Văn* số 15 tường thuật cuộc hội thảo về phê bình văn nghệ ngày chủ nhật 15-01-1967, quy tụ 250 nhân sĩ, trí thức, ký giả, văn nghệ sĩ trong số đó có những người như Hiếu Chân, Nhật Tiến, Bùi Hữu Sùng, Lê Xuân Khoa, Đặng Văn Nhâm... Buổi hội thảo do mấy hội văn hóa của Thành Đoàn, --cơ quan lãnh đạo bí mật nội thành của Đảng CS-- và Tạp chí Tin Văn, Bách Khoa --*mà Võ Phiến nhận là trưởng khối*. Hai thuyết trình viên: Nhật Tiến và chủ nhiệm Tin Văn Nguyễn Ngọc Lương. Sau buổi hội thảo có lời tuyên bố do chủ tịch đoàn gồm những vị Bùi Hữu Sùng, Hiếu Chân, Đặng Văn Nhâm, Bùi Chánh Thời, Thế Nguyên ký tên. Như vậy, 250 nhân sĩ trí thức có đóng góp tích cực vào việc thực hiện đường lối tranh đấu trên mặt trận văn hóa ở vùng Mỹ-Ngụy bị tạm chiếm hay không? 10 năm sau 1975, Thành đoàn xuất bản cuốn "*Trui Rèn Trong Lửa Đỏ*", kể lại các thành tích đạt được trước 1975, trong đó, có bài của Vu

Hạnh nói về *Tin Văn*, --co quan của Lực lượng Bảo vệ Văn hóa Dân tộc. 25 năm sau sau 75, Lữ Phương chống đối công khai Nguyễn Ngọc Lương và Vũ Hạnh, oán trách Đảng, than thở với bạn bè Sài Gòn. Khi chủ nghĩa nhân danh nó để hoạt động không còn thì sự lợi dụng chánh trị cũng không còn, chỉ còn bản thân tác phẩm của những tác giả với những tấm lòng chân thành, những ước vọng cao cả và những ý định tố cáo chính đáng, quy chụp tố Cộng, mặc dầu trong trường hợp Vũ Hạnh là đúng, nhưng vấn đề không phải là đúng hay sai mà người cầm bút làm văn hóa không thay thế vai trò của người làm công an. Do đó, tờ *Tin Văn* vẫn là của văn học Miền Nam thời Việt Nam Cộng Hoà, cần được trân trọng như những tạp chí khác.

*

Bài này viết từ Montréal, nhìn từ Bắc Mỹ. Tôi đi Âu châu: Luân Đôn, Paris, Strasbourg, nhìn từ Âu châu và từ Việt Nam qua thư từ của bạn bè ở Sài Gòn, đặc biệt của Trần Thái Đĩnh, tác giả cuốn *Triết học hiện sinh*, bán chạy, do Võ Phiến xuất bản.

Tôi và Đoàn Xuân Kiên, gặp lại Diễm Châu ở Strasbourg. Diễm Châu với Thế Nguyên đã điều hành các tạp chí Hành Trình, Đất Nước, Trình Bày, biết rõ những giao dịch với các bạn cầm bút cộng tác với các tạp chí kể trên và với những bạn khác có liên hệ như Võ Phiến. Diễm Châu kể cho tôi nghe những khó khăn, áp lực chính trị từ nhiều phía mà hiện nay chưa thể tiết lộ được. Riêng đối với Võ Phiến, Diễm Châu cho biết những gì Thế Nguyên và Diễm Châu đã trân trọng làm cho Võ Phiến như giới thiệu tác phẩm của Võ Phiến; và qua những người bạn của hai người, cung cấp cho Võ Phiến, những kiến thức về các nhà văn phương Tây như Marcel Proust... Võ Phiến đã viết thư cảm ơn những giúp đỡ đó. Diễm Châu sang Hoa Kỳ, được đọc những lời Võ Phiến "tố cáo" Hành Trình, Đất Nước, Trình Bày, và riêng Thế Nguyên là "cán bộ cộng sản". Diễm Châu vẫn giữ im lặng cho đến bây giờ. Diễm Châu và tôi, chúng tôi thấy cần lên tiếng về bộ *Văn học miền Nam*, nhất là công trình biên soạn này, được giới Đại học ở một vài nơi coi như tài liệu đáng tin cậy. Theo chỗ chúng tôi nhận định, bộ *Văn học miền Nam* đã có những đánh giá sai lạc về mặt văn học, đối với nhiều nhà văn mà tôi đã kể ở trên, *không đáng được coi là phê bình văn học nghiêm chỉnh*. Tuy nhiên, về mặt chính trị, chúng tôi hoàn toàn thông cảm với Võ Phiến, đã nói và viết về văn học miền Nam trong hoàn cảnh được xưng tụng là người chống Cộng số một, mà một người khác trong vị trí đó, có lẽ cũng phải làm như Võ Phiến.

Một cách tích cực, chúng tôi thấy cần phải giới thiệu một bộ Văn học miền Nam khác, đúng với tinh thần nghiên cứu đại học, mà chúng tôi nhận lãnh trách nhiệm biên tập (3).

*

Lời nói cuối: Vì con em chúng ta

Nguyễn Thụy Long ở trong nước cho biết: thời đổi mới hàng loạt sách trước kia bị cấm đọc nay được tái bản. Những sách của Tự Lực Văn Đoàn được tái bản hầu hết. (*Hồi ký viết trên gác bút*, Văn Nghệ, 1999). Trước 1975, Thanh Lăng đã sưu tầm, quay ronéo hơn 20 tập giới thiệu các tạp chí trước 1945 cho sinh viên Ban Văn chương trường đại học Văn Khoa dùng, chưa in thành sách. Sau 1975, nhóm giáo sư dạy văn TPHCM đã đem in được vài tập. Không phải chỉ sách báo thời VNCH mà cả sách của hải ngoại cũng được tái bản. Bộ truyện dài *Sông Côn Mùa Lu* của Nguyễn Mộng Giác đã được tái bản trong nước, không phải do tác giả yêu cầu mà một nhà xuất bản đề nghị, trả nhuận bút đảng hoàng, trân trọng giới thiệu, không một lời nào nói đến chính trị, không có ra mắt sách (về nước nhiều lần) để tác giả khỏi bị phiền hà ở hải ngoại.

Nhưng căn bản vấn đề là tư tưởng lý luận chỉ đạo và phương pháp luận: những cách tiếp cận. Mấy chục năm thực hiện chính sách xoá sạch đót sạch văn hoá dựa trên tư tưởng lý luận nào? Bây giờ chủ trương đổi mới theo lý luận nào? Cho đến nay chưa có những trao đổi ý kiến thảo luận thẳng thắn về hai điểm của vấn đề căn bản này. Đảng có một ban văn hoá tu tưởng. Công giáo cũng có một thể chế tương tự. Công đồng Vatican II nhằm mục đích đổi mới tưởng chừng đã có thể xoá bỏ được cơ quan phụ trách bảo vệ sự thuần khiết của tín lý, nhưng dần dà nó lại được phục hồi gần như cũ. Dù sao vẫn có những nhóm tư tưởng khác, ngay cả bị cảnh cáo cấm đoán vẫn tiếp tục đóng lên tiếng nói của mình, và ảnh hưởng sâu đậm trong cộng đồng tín hữu. Ở hải ngoại, không có đảng lãnh đạo, không có ban văn hoá tu tưởng để duy trì một Hội Nhà Văn, trái lại có quá nhiều hội nhà văn, ba bốn trung tâm văn bút, xung tưng đề cao nhau, không ai bảo được ai. Rút cục sinh hoạt văn học cũng bị trì trệ. Vậy phải giải quyết thế nào nhu cầu tư tưởng chỉ đạo và những cách tiếp cận về phương pháp luận.

Ngoài ra chủ trương phá sạch đót sạch cũng đưa đến hậu quả: tạo ra một khoảng trống về nhân sự, không có người được đào tạo để thực hiện đổi mới và lãnh đạo đổi mới. Vẫn những quan chức cu tiếp tục điều hành đường lối đổi mới. Đường lối đổi mới đó có chủ trương trân trọng văn học miền Nam, nhưng làm sao những người trước đây đã vùi dập, mặt sát nó có thể hiểu và thực sự đề cao nó được? Khoảng trống đó cũng ảnh hưởng đến những quốc gia có quan hệ văn hoá với Việt Nam, chẳng hạn như nước Pháp. Vì giao lưu văn hoá bị gián đoạn nên nước Pháp không có điều kiện đào tạo những nhà Việt học trong khoảng hai ba chục năm liền. Đến thời Việt Nam mở cửa, Pháp chỉ có sẵn những người đã từng hoạt động ở Miền Nam trước 1975, chỉ có thể nghiên cứu giảng dạy về lịch sử văn học chính trị Việt Nam thời Pháp thuộc. Còn phải đợi nhiều năm nữa mới có thể đào tạo một thế hệ những nhà nghiên cứu Pháp am hiểu chữ nôm, chữ nho, Phật học, Nho học...

Tôi được biết, người ta đang hy vọng sẽ có trong tương lai gần đây, những nhà nghiên cứu phê bình văn học Việt Nam xuất thân từ các trường đại học Âu Mỹ. Họ mới chỉ là số ít tiếp xúc được với văn học, văn hoá Việt Nam. Đa số lớp trẻ hơn hấp thụ những kiến thức khoa học hiện đại về những lối tiếp cận văn học, sử học, xã hội học. Chỉ thiếu liên hệ với thực tế Việt Nam. Tôi thật ngỡ ngàng khi đọc những bộ sách giáo khoa về các ngành khoa học xã hội mà con em chúng ta học ở các lớp cuối trung học và đầu đại học, vì tôi có thể tìm thấy những giải đáp cho những thắc mắc mà tôi vất vả tìm đọc tại những nơi khác. Ngoài ra, đọc các luận văn của các con cháu, tôi thấy con em chúng ta đã liên hệ thật trung thực những kiến thức lý luận với thực tiễn Âu Mỹ. Do đó, thật cần thiết giúp đỡ con em chúng ta tiếp cận văn hoá Việt Nam không chỉ thời hiện đại mà có thể cả những thời kỳ trước kia. Chắc chắn khi ấy con em chúng ta sẽ có thể đưa ra những lối tiếp cận văn hoá Việt Nam mới mẻ và độc đáo, lại mang tính khoa học. Lúc đó chúng ta sẽ có một đội ngũ đông đảo những nhà Việt học được đào tạo đến nơi đến chốn tại Tây phương, từ trong nước gửi ra du học và tại chỗ. Họ không có gì để chia rẽ với nhau, và chỉ có một đồng thuận làm sao đưa nghiên cứu lý luận văn học Việt Nam lên trình độ quốc tế.

Muốn cho con em chúng ta lưu ý đến văn hoá, văn học Việt Nam, những bậc đàn anh đã làm văn hoá văn học trước hết phải cho con em chúng ta không phải chỉ biết kính trọng vì tuổi tác mà còn kính phục về kiến thức và tư cách. Người ta thường nói: người tài giỏi chỉ hữu ích cho đời phần nửa đời trước, còn nửa đời sau chỉ làm hại vì cung cách sống lâu lên lão làng, lão hoá. Muốn tránh lão hoá, cần khiêm tốn nhìn nhận những thiếu sót, ảo tưởng của mình, và trân trọng người trẻ ngay cả khi họ bày tỏ một thái độ bất kính. Vì sự kính trọng đích thực lại bắt đầu từ thái độ bất kính. Và từ chỗ bất kính tiến đến sự kính trọng, là cả hai bên đã trải qua

một quá trình thử thách: Thế hệ già phải nhìn nhận những nhược điểm của mình, nếu cần, rút lui đúng chỗ, để thế hệ trẻ tiếp tục con đường; thế hệ trẻ cũng phải thắng những kiên cường điều của tuổi trẻ để tìm hiểu những kinh nghiệm của người đi trước, và từ đó làm điểm tựa để tiến tới tương lai.

Montréal, Luân Đôn, Paris, Strasbourg, tháng 1-2/2003

Nguyễn Văn Trung

Chú thích:

1. Tolle lege bắt nguồn từ sự tích thánh Ôgustinô, đứa con hoang đàng, trong lúc giao động, tưởng như nghe tiếng gọi thúc dục cầm đọc đoạn Thánh Thư của Phao lô khuyên từ bỏ thú vui trác táng. Thánh nhân đã đọc và quyết định trở lại đạo.

2. Võ Phiến tại Đại học Paris (bài của Mai Chi, do Đặng Tiến gửi)

Tại Đại học Paris 3, Sorbonne Nouvelle, ngày 9-10-2001, bà Trương thị Liễu đã bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ văn học đối chiếu với đề tài Võ Phiến, Văn hoá dân tộc và văn học Phương Tây, do các ông DH. Pageaux, giáo sư đại học Paris 3 và Đặng Tiến, giảng viên Đại học Paris 7 điều khiển. Ngoài ra ban giám khảo còn gồm có các giáo sư J. Bessière, Paris 8, chủ khảo, giáo sư Trịnh Văn Thảo, Provence Aix-Marseille 1, và J. Dugast, Rennes 2, phụ khảo.

Luận án công phu và nghiêm túc gồm phần luận văn 400 trang và phụ lục, 200 trang, trình bày thư mục, chú giải và dịch thuật 4 truyện ngắn.

Phần lý luận giới thiệu thân thế và toàn bộ tác phẩm Võ Phiến, nhấn mạnh vào những truyện huyền ảo (Fantastique). Phần 2, phân tích ảnh hưởng văn chương phương Tây, từ A. Daudet, S. Maugham đến D. Buzzaty, M. Butor. Và đặc biệt trong khoảng 100 trang cuối, tác giả đã đề xuất những giao thoa với tác phẩm M. Proust: Những chủ đề, kỹ thuật kể chuyện, phương pháp dự tưởng như phản ánh huyền thoại Orphée...

Các giám khảo thừa nhận công sức lao động và công lao khai phá, mở đường cho văn học đối chiếu vào một mảnh đất còn là một hoang địa là văn học Việt Nam hiện đại. Ngoài ra, tác giả còn khôi phục một thời kỳ văn học bất hành, dưới một chế độ chính trị phiêu pha tại miền Nam từ 1954 đến 1975. Hai mươi năm trong văn học lịch sử thế giới có là bao.

Công trình bà Liễu gian nan: Từ việc truy lùng tài liệu đến xử lý văn bản: đọc Võ Phiến và Proust không phải đơn giản. Sau đó là phần lập thuyết và lập ngôn.

Một ví dụ cụ thể, có giám khảo đã nhận xét dịch Đông Kinh Nghĩa Thục ra là Institut du Tonkin là tùy tiện, trả lời: dịch theo Nguyễn Khắc Viện. Một giám khảo khác cho biết lỗi dịch này phổ biến ít nhất là từ Jean Chesneaux (1955). Nhóm ngoại văn ở Hà Nội dịch: Èucole de la juste cause, không biết dựa vào đâu. Tài liệu về Đông Kinh Nghĩa Thục thì nhiều, nhưng không ai chịu khó giải thích "Đông Kinh" nghĩa là gì, trừ Nguyễn Hiến Lê, trong một cuốn sách khó kiếm (1956). Mới đây, trường Viễn Đông Bác Cổ kết hợp với nhà xuất bản Văn Hóa có ấn hành một cuốn thơ văn Đông Kinh Nghĩa Thục, dịch ra tiếng Pháp là Prose et Poésies de l'école Đông Kinh (1997).

Tóm lại, bên cạnh những chi tiết có thể bàn lại, công trình của bà Trương thị Liễu ngoài tính cách khoa bảng, còn có tác dụng giới thiệu, khai phá và đóng góp. Hội đồng đã đồng thanh cấp danh vị Tiến sĩ hạng Tối ưu với lời khen (Mention très honorable avec Félicitations du Jury.)

Giáo sư Pageaux đã đề nghị tác giả thu gọn luận văn thành 200 trang để có thể xuất bản trong loại sách Tương Lai của Quá khứ (Avenir du passé) của nhà xuất bản L'Harmatan, Paris .
Mai Chi.

3. Công trình sưu tầm biên tập về văn học miền Nam (1955-1975) sẽ được thực hiện bằng cách giới thiệu các tạp chí vì hầu hết các tác giả đều có bài đăng trong tạp chí, không bị kiểm duyệt, trong khi ra sách phải qua kiểm duyệt, cho nên có tình trạng: thơ, văn chỉ xuất hiện trên tạp chí mà thôi.

- Các tạp chí sẽ được giới thiệu toàn tập, nếu chỉ có dưới 10 số, như Thế Kỷ XX, Hiện Đại, và tuyển tập nếu có nhiều số.

- Việc giới thiệu tạp chí sẽ do chính chủ nhiệm, chủ bút -nếu còn sống- làm; còn các bài sẽ do chính tác giả lựa chọn, đề nghị. Trường hợp các tác giả đã qua đời, sẽ do bạn bè họ làm. Các tác giả được yêu cầu cung cấp một tiểu sử ngắn gọn, với danh sách đầy đủ các tác phẩm, ghi chú nhà xuất bản, nơi và năm xuất bản.

Ban chủ trương sẽ chỉ giới thiệu hoàn cảnh qui định sự xuất hiện và ngừng hoạt động của các tạp chí, *không làm việc phê bình*, giới thiệu tất cả các tạp chí và tác giả, không phân biệt xu hướng văn hóa và chính trị.

Buổi đầu, chúng tôi sẽ giới thiệu những tạp chí sau đây: Bách Khoa, Sáng Tạo, Thế Kỷ XX, Hiện Đại, Văn Nghệ, Văn, Hành Trình, Đất Nước, Trình Bày, Nghiên Cứu Văn Học ... Vì không có tài chánh, chúng tôi chỉ sao chụp, thực hiện những tuyển tập, toàn tập theo yêu cầu của người đọc.

Địa chỉ liên lạc:

Nguyễn Văn Trung

1956 Emile Legrand

Montréal, Québec, H1N 3H5, Canada

Điện thoại: (514) 899-1135.

Email: vantrungnguyen@hotmail.com

Phản ứng từ SG.

Trần Thái Đình trích thu:

``Bài hướng về miền nam của anh được lắm , lý sự và đầy đủ, cần được phổ biến rộng rãi. Nhưng tôi không ưng cái đuôi của phần mở đầu với câu, Tolle, lege nghe nó trịnh trọng quá. Hơn nữa anh viết sai chính tả, chữ Ogustino đúng ra phải viết Augustino. Tôi rất muốn viết một bài góp ý với anh nhưng đây là một lãnh vực tôi không rành lắm. Chẳng hạn tôi chưa bao giờ đọc một chữ nào trong các tạp chí Đất Nước, Trình Bày hoặc tạp chí Đứng Dậy của anh Nguyễn ngọc Lan tôi chỉ nghe người ta phê bình anh và anh Lan thiên cộng. Thật tình tôi không quan tâm vì tôi nghi anh và anh Lan thiên cộng như mấy ông trí thức pháp Lefevre, Chatelet, Fougeyrollas, Mấy ông này còn gia nhập Đảng cộng sản để rồi ném mùi cay đắng bị coi là những đứa trẻ thiếu thông minh rồi bị trục xuất khỏi đảng. Anh và anh Lan không vào đảng nên không bị đảng mắng mỏ hay dạy bảo, nhưng cả 2 anh đều ném mùi tù đày. Tôi thì chống cộng nhất là cộng sản kiểu stalinist ở VN mặc dầu tôi không hoàn toàn chống Mác vì Mác có những điểm tích cực và có những đóng góp cho nền triết học nhân loại. Tôi chống cộng nhưng không hẹp hòi quá khích và thiếu văn hoá như những Võ Phiến. Tôi nghi những

bai vỡ thiên cộng của anh và anh Lan đã làm đẹp chế độ VNCH vì là dấu hiệu chứng tỏ VNCH có tự do báo chí có dân chủ. Đúng như anh viết, dấu sao ở chế độ VNCH những viên chức ở các bộ nội vụ thông tin, văn hoá giáo dục vẫn có phong cách trí thức. Cho nên tôi rất ngạc nhiên và bất bình khi thấy Võ Phiến lên án các anh là ``làm giặc``. Một nhà văn nhu thế còn thua văn hoá của những viên chức an ninh SG thời 54 - 75. Cụ thể là họ không bao giờ tố các anh là lam giặc và ông tướng Nguyễn khắc Bình đã nói toẹt ra là: `` nếu giáo sư thật sự hoạt động cho cộng sản thì chúng tôi không để yên đâu ``.

Thật đáng buồn cho dân tộc mình, vì đúng như anh nói *ở trong nước thì người cộng sản sợ cộng sản, còn ở hải ngoại thì người chống cộng lại sợ những người chống cộng*. Anh Trung ạ, tôi thấy bài này của anh cần được phổ biến rộng rãi để giải độc cho một số người và góp phần đánh tan những di hại của thời kỳ đen tối vừa qua của lịch sử VN.

Thế Phong trích thư 4/3/2003.

Thân gửi giáo sư NVT. Trang viết về văn học miền nam 1955-1975 thật sự là một cần thiết cho người đọc đánh giá đúng văn học trong một thời kỳ của VNCH qua 2 chế độ cộng hoà một và hai. Nói cách khác còn là trả lời bộ sách vỡ phiến đánh giá văn học miền nam tuy tiện bề phải thiếu công chính mùa gậy vườn hoang tại hải ngoại. Hồi 1962 tôi in romio tập hiện tình văn nghệ miền nam 1957 - 1961 có cơ hội nhắc đến tác giả Người Tử Tù . Chử tình mà giáo sư đã trích lại câu viết của tôi về tiểu thuyết của Võ phiến những truyện ngắn đầu tay là kinh nghiệm sống rất đậm kháng chiến nói lên được khía cạnh nhân bản trong phi nhân bản macxit, về sau thấy ăn khách và ăn tiền khai thác quá tay nên trở thành nhàm chán (trang 17). Lý do ăn tiền ở đây là tác giả đã bán cho bộ thông tin hồi ấy một số sách gọi là tác phẩm chống cộng, tuy có đặt hàng hay không chẳng cần thiết miễn là bán sách cho chính phủ là có số tiền lớn. chẳng hạn như Tuấn Giang viết người quân nhân VNCH bán cho bộ quốc phòng được tới 50 vạn đồng thời đệ nhất cộng hoà. Vì vậy ông không cần phải tranh luận Hành Trình, Đất Nước, Trình Bày là thể này thế nọ, không đúng với lập trường chống cộng của Võ Phiến. Cả đến việc muốn lôi người này người kia trong băng nhóm của ông ta để nói lên những lời khen ngợi ca tụng Võ Phiến, thì đó cung chỉ là kiểu công kênh thẳng này trong nhóm tao viết hay hơn giỏi hơn thẳng kia, chỉ tao mời xứng đáng cho dòng văn học VNCH chống cộng ăn tiền mà thôi/.

Nguồn: <https://www.gio-o.com/NguyenXuanThiep/NguyenVanTrung1.html>

Kính mời đọc thêm những sách khác của tác giả tại:
<http://www.vietnamvanhien.org/NguyenVanTrung.html>

www.vietnamvanhien.net



An Lạc & Tự Chủ

VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VIỆT NAM VĂN HIẾN ON LINE VỚI HƠN 10200 TÁC PHẨM